VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 06/2018/TT-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2018 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Nam

(Tiếp theo Công báo số 983 + 984)

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI
PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HÀ NAM

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giáp Ngũ	DC	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên	20° 40' 39"	105° 55' 40"					F-48-80-D-b
thôn Giáp Nhất	DC	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên	20° 40' 44"	105° 56' 11"					F-48-80-D-b
thôn Giáp Nhì	DC	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên	20° 40' 40"	105° 55' 53"					F-48-80-D-b
thôn Linh Nội	DC	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên	20° 40' 25"	105° 55' 18"					F-48-80-D-b
thôn Thần Nữ	DC	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên	20° 39' 13"	105° 55' 40"					F-48-80-D-b
thôn Văn Phái	DC	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên	20° 39' 34"	105° 56' 18"					F-48-80-D-b
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-80-D-b
kênh A4-6	TV	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-b
sông Duy Tiên	TV	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên			20° 40' 01"	105° 56' 39"	20° 37' 37"	105° 59' 34"	F-48-80-D-b
Sông Giẽ	TV	xã Bạch Thượng	H. Duy Tiên			20° 40' 37"	105° 55' 05"	20° 40' 01"	105° 56' 39"	F-48-80-D-b
Thôn Chằm	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 40' 57"	105° 59' 19"					F-48-80-D-b
thôn Chuyên Thiện	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 17"	106° 00' 23"					F-48-81-C-a
thôn Du My	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 40' 28"	105° 58' 49"					F-48-80-D-b
Thôn Đầm	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 40' 18"	105° 59' 09"					F-48-80-D-b
Thôn Đọ	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 40' 20"	105° 59' 23"					F-48-80-D-b
Thôn Đoài	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 45"	105° 59' 13"					F-48-80-D-b
Thôn Đông	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 33"	105° 59' 40"					F-48-80-D-b
thôn Đông Nội	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 29"	105° 58' 58"					F-48-80-D-b
thôn Đông Ngoại	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 35"	105° 58' 41"					F-48-80-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Nguộn	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 37"	106° 00' 08"					F-48-81-C-a
thôn Phúc Thành	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 05"	105° 58' 53"					F-48-80-D-b
thôn Trì Xá	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 40' 05"	105° 59' 51"					F-48-80-D-b
thôn Trung Thượng	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 27"	105° 58' 29"					F-48-80-D-b
thôn Vân Kênh	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 14"	105° 59' 21"					F-48-80-D-b
xóm Đông Duyên Giang	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 03"	105° 57' 47"					F-48-81-C-a
xóm Tây Duyên Giang	DC	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 11"	105° 57' 31"					F-48-81-C-a
Cầu Giát	KX	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 38' 38"	106° 00' 09"					F-48-81-C-a
chùa Khánh Long	KX	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 39"	105° 58' 25"					F-48-80-D-b
đình Đông Ngoại	KX	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 39' 47"	105° 58' 40"					F-48-80-D-b
Khu công nghiệp Hòa Mạc	KX	xã Châu Giang	H. Duy Tiên	20° 38' 55"	105° 59' 57"					F-48-80-D-d
kênh A4-13	TV	xã Châu Giang	H. Duy Tiên			20° 41' 03"	105° 59' 32"	20° 38' 02"	105° 59' 47"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
kênh Mộc Nam	TV	xã Châu Giang	H. Duy Tiên			20° 39' 07"	105° 57' 23"	20° 40' 00"	106° 01' 24"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
sông Duy Tiên	TV	xã Châu Giang	H. Duy Tiên			20° 40' 01"	105° 56' 39"	20° 37' 37"	105° 59' 34"	F-48-80-D-b
thôn Câu Tử	DC	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 01"	105° 58' 42"					F-48-80-D-d
thôn Lê Xá 1	DC	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 07"	105° 57' 39"					F-48-80-D-d
thôn Lê Xá 2	DC	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 33' 40"	105° 58' 07"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lê Xá 3	DC	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 33' 52"	105° 58' 04"					F-48-80-D-d
thôn Thọ Cầu	DC	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 00"	105° 58' 32"					F-48-80-D-d
Thôn Thượng	DC	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 29"	105° 58' 04"					F-48-80-D-d
Thôn Trung	DC	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 25"	105° 57' 33"					F-48-80-D-d
cầu Câu Tử	KX	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 33' 47"	105° 58' 39"					F-48-80-D-d
đình Lê Xá	KX	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên	20° 33' 44"	105° 58' 07"					F-48-80-D-d
Đường tỉnh 493	KX	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên			20° 33' 51"	105° 58' 37"	20° 33' 09"	105° 54' 55"	F-48-80-D-d
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d
quốc lộ 37B	KX	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên			20° 24' 01"	106° 00' 44"	20° 38' 35"	105° 59' 11"	F-48-80-D-b
kênh A4-6	TV	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-d
sông Châu Giang	TV	xã Châu Sơn	H. Duy Tiên			20° 34' 23"	106° 00' 01"	20° 33' 06"	105° 54' 33"	F-48-80-D-d
thôn Lỗ Hà	DC	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 37' 16"	106° 01' 23"					F-48-81-C-c
thôn Quan Phố	DC	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 38' 21"	106° 00' 42"					F-48-81-C-a
thôn Từ Đài	DC	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 39' 20"	106° 01' 17"					F-48-81-C-a
thôn Yên Lệnh	DC	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 37' 25"	106° 02' 04"					F-48-81-C-a
thôn Yên Mỹ	DC	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 38' 26"	106° 01' 33"					F-48-81-C-a
xóm Điện Biên	DC	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 38' 41"	106° 01' 12"					F-48-81-C-a
xóm Thị Nội	DC	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 38' 12"	106° 01' 13"					F-48-81-C-a
âu thuyền Tắc Giang	KX	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 37' 09"	106° 01' 45"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cầu Giát	KX	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 38' 38"	106° 00' 09"					F-48-81-C-a
cầu Kênh Tiêu	KX	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 39' 01"	106° 00' 47"					F-48-81-C-a
Quốc lộ 38	KX	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-81-C-a
quốc lộ 38B	KX	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-a
kênh A4-13	TV	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 41' 03"	105° 59' 32"	20° 38' 02"	105° 59' 47"	F-48-81-C-a
sông Châu Giang	TV	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
Sông Hồng	TV	xã Chuyên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-a, F-48-81-C-c
Thôn Đông	DC	xã Duy Hải	H. Duy Tiên	20° 39' 24"	105° 54' 34"					F-48-80-D-b
thôn Hương Cát	DC	xã Duy Hải	H. Duy Tiên	20° 39' 39"	105° 54' 09"					F-48-80-D-b
thôn Nhị Giáp	DC	xã Duy Hải	H. Duy Tiên	20° 39' 08"	105° 54' 26"					F-48-80-D-b
thôn Tam Giáp	DC	xã Duy Hải	H. Duy Tiên	20° 38' 55"	105° 53' 34"					F-48-80-D-b
thôn Tứ Giáp	DC	xã Duy Hải	H. Duy Tiên	20° 39' 18"	105° 54' 00"					F-48-80-D-b
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Duy Hải	H. Duy Tiên			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-b
Quốc lộ 38	KX	xã Duy Hải	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-b
kênh I3-2	TV	xã Duy Hải	H. Duy Tiên			20° 38' 49"	105° 53' 48"	20° 38' 07"	105° 49' 24"	F-48-80-D-b
sông Măng Giang	TV	xã Duy Hải	H. Duy Tiên			20° 38' 50"	105° 51' 11"	20° 39' 11"	105° 53' 40"	F-48-80-D-b
Sông Nhuệ	TV	xã Duy Hải	H. Duy Tiên			20° 40' 11"	105° 53' 39"	20° 32' 40"	105° 54' 30"	F-48-80-D-b
Sông Sổ	TV	xã Duy Hải	H. Duy Tiên			20° 40' 10"	105° 54' 13"	20° 40' 12"	105° 53' 41"	F-48-80-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Chuông	DC	xã Duy Minh	H. Duy Tiên	20° 38' 21"	105° 54' 29"					F-48-80-D-b
thôn Động Linh	DC	xã Duy Minh	H. Duy Tiên	20° 38' 07"	105° 54' 39"					F-48-80-D-b
thôn Ninh Lão	DC	xã Duy Minh	H. Duy Tiên	20° 38' 49"	105° 54' 53"					F-48-80-D-b
thôn Ngọc Thị	DC	xã Duy Minh	H. Duy Tiên	20° 39' 57"	105° 54' 31"					F-48-80-D-b
Thôn Tú	DC	xã Duy Minh	H. Duy Tiên	20° 39' 32"	105° 54' 53"					F-48-80-D-b
Thôn Trịnh	DC	xã Duy Minh	H. Duy Tiên	20° 38' 24"	105° 54' 43"					F-48-80-D-b
Thôn Trung	DC	xã Duy Minh	H. Duy Tiên	20° 39' 05"	105° 54' 48"					F-48-80-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Duy Minh	H. Duy Tiên			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-80-D-b
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Duy Minh	H. Duy Tiên			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-b
Quốc lộ 38	KX	xã Duy Minh	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-b
kênh A4-8	TV	xã Duy Minh	H. Duy Tiên			20° 40' 26"	105° 54' 47"	20° 33' 00"	105° 54' 53"	F-48-80-D-d
Sông Nhuệ	TV	xã Duy Minh	H. Duy Tiên			20° 40' 11"	105° 53' 39"	20° 32' 40"	105° 54' 30"	F-48-80-D-b
Sông Sổ	TV	xã Duy Minh	H. Duy Tiên			20° 40' 10"	105° 54' 13"	20° 40' 12"	105° 53' 41"	F-48-80-D-b
thôn Đọi Lĩnh	DC	xã Đọi Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 43"	105° 58' 28"					F-48-80-D-d
thôn Đọi Nhất	DC	xã Đọi Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 57"	105° 58' 22"					F-48-80-D-d
thôn Đọi Nhì	DC	xã Đọi Sơn	H. Duy Tiên	20° 35' 34"	105° 58' 27"					F-48-80-D-d
thôn Đọi Tam	DC	xã Đọi Sơn	H. Duy Tiên	20° 35' 34"	105° 58' 03"					F-48-80-D-d
thôn Đọi Tín	DC	xã Đọi Sơn	H. Duy Tiên	20° 35' 34"	105° 58' 37"					F-48-80-D-d
thôn Đọi Trung	DC	xã Đọi Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 51"	105° 58' 27"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Hà	DC	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên	20° 34' 54"	105° 59' 00"					F-48-80-D-d
chùa Long Đại Sơn	KX	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên	20° 35' 17"	105° 58' 21"					F-48-80-D-d
đường tỉnh 493B	KX	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên			20° 35' 22"	105° 58' 29"	20° 35' 23"	105° 55' 31"	F-48-80-D-d
quốc lộ 37B	KX	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên			20° 24' 01"	106° 00' 44"	20° 38' 35"	105° 59' 11"	F-48-80-D-b
núi Đại Sơn	SV	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên	20° 35' 16"	105° 58' 15"					F-48-80-D-d
kênh A4-6	TV	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-d
kênh I4-12	TV	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên			20° 36' 30"	105° 58' 39"	20° 33' 32"	105° 55' 07"	F-48-80-D-d
sông Châu Giang	TV	xã Đại Sơn	H. Duy Tiên			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
thôn An Nhân	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 37' 49"	105° 55' 05"					F-48-80-D-b
thôn Bạch Xá	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 37' 38"	105° 55' 45"					F-48-80-D-b
thôn Hoàng Hạ	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 36' 57"	105° 55' 35"					F-48-80-D-d
thôn Hoàng Lý 1	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 36' 37"	105° 55' 44"					F-48-80-D-d
thôn Hoàng Lý 2	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 36' 21"	105° 55' 45"					F-48-80-D-d
thôn Hoàng Lý 3	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 36' 17"	105° 55' 13"					F-48-80-D-d
thôn Hoàng Thượng	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 37' 35"	105° 55' 00"					F-48-80-D-b
thôn Ngọc Động	DC	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 37' 55"	105° 54' 45"					F-48-80-D-b
đình Ngọc Động	KX	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên	20° 37' 47"	105° 54' 47"					F-48-80-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh A4-6	TV	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-d
kênh A4-8	TV	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên			20° 40' 26"	105° 54' 47"	20° 33' 00"	105° 54' 53"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
Sông Nhuệ	TV	xã Hoàng Đông	H. Duy Tiên			20° 40' 11"	105° 53' 39"	20° 32' 40"	105° 54' 30"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
thôn Dỹ Phố	DC	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 41' 21"	106° 00' 37"					F-48-81-C-a
thôn Hoàn Dương	DC	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 41' 50"	105° 59' 48"					F-48-81-C-a
thôn Khả Duy	DC	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 40' 56"	106° 00' 48"					F-48-81-C-a
thôn Yên Hòa	DC	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 40' 41"	106° 01' 12"					F-48-81-C-a
thôn Yên Từ	DC	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 41' 00"	106° 01' 01"					F-48-81-C-a
đền Yên Từ	KX	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 40' 50"	106° 01' 03"					F-48-81-C-a
đình Hoàn Dương	KX	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 41' 37"	105° 59' 47"					F-48-80-D-b
đình Khả Duy	KX	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên	20° 40' 56"	106° 00' 39"					F-48-81-C-a
kênh A4-13	TV	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên			20° 41' 03"	105° 59' 32"	20° 38' 02"	105° 59' 47"	F-48-80-D-b
Sông Hồng	TV	xã Mộc Bắc	H. Duy Tiên			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-a
thôn Đô Quan	DC	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên	20° 40' 29"	106° 01' 01"					F-48-81-C-a
thôn Lảnh Trì	DC	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên	20° 39' 39"	106° 01' 11"					F-48-81-C-a
thôn Nha Xá	DC	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên	20° 39' 52"	106° 00' 52"					F-48-81-C-a
thôn Yên Lạc	DC	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên	20° 40' 06"	106° 01' 17"					F-48-81-C-a
thôn Yên Ninh	DC	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên	20° 39' 58"	106° 00' 11"					F-48-81-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Yên Lệnh	KX	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên	20° 39' 33"	106° 02' 00"					F-48-81-C-a
đền Lảnh Giang	KX	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên	20° 40' 12"	106° 01' 26"					F-48-81-C-a
Quốc lộ 38	KX	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-81-C-a
quốc lộ 38B	KX	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-a
kênh A4-13	TV	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên			20° 41' 03"	105° 59' 32"	20° 38' 02"	105° 59' 47"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
kênh Mộc Nam	TV	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên			20° 39' 07"	105° 57' 23"	20° 40' 00"	106° 01' 24"	F-48-81-C-a
Sông Hồng	TV	xã Mộc Nam	H. Duy Tiên			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-a
Thôn Đoài	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 38' 02"	105° 56' 35"					F-48-80-D-b
thôn Hòa Trung A	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 01"	105° 56' 13"					F-48-80-D-d
thôn Hòa Trung B	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 12"	105° 56' 03"					F-48-80-D-d
thôn Kim Lũ	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 36' 25"	105° 56' 09"					F-48-80-D-d
thôn Ngô Thượng	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 09"	105° 56' 43"					F-48-80-D-d
thôn Ngô Xá	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 00"	105° 56' 49"					F-48-80-D-d
Thôn Nguyễn	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 39"	105° 56' 45"					F-48-80-D-b
Thôn Nhất	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 42"	105° 57' 09"					F-48-80-D-b
thôn Sa Lao	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 38' 22"	105° 56' 07"					F-48-80-D-b
Thôn Trì	DC	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 54"	105° 57' 21"					F-48-80-D-b
Chợ Nguyễn	KX	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 37' 38"	105° 56' 36"					F-48-80-D-b
Chùa Đoài	KX	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 38' 09"	105° 56' 29"					F-48-80-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Ngô Xá	KX	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên	20° 36' 57"	105° 56' 43"					F-48-80-D-b
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
kênh A4-6	TV	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
kênh I4-8	TV	xã Tiên Nội	H. Duy Tiên			20° 39' 04"	105° 57' 13"	20° 35' 20"	105° 57' 04"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
Thôn Doãn	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 36' 19"	105° 56' 38"					F-48-80-D-d
Thôn Liêu	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 37' 14"	105° 57' 23"					F-48-80-D-d
Thôn Lương	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 36' 18"	105° 57' 36"					F-48-80-D-d
Thôn Minh	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 36' 29"	105° 57' 17"					F-48-80-D-d
Thôn Nội	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 36' 04"	105° 57' 52"					F-48-80-D-d
Thôn Thượng	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 37' 09"	105° 57' 07"					F-48-80-D-d
Thôn Trung	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 36' 40"	105° 57' 18"					F-48-80-D-d
thôn Yên Bảo	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 35' 38"	105° 56' 55"					F-48-80-D-d
thôn Yên Nội	DC	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên	20° 35' 52"	105° 57' 18"					F-48-80-D-d
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-80-D-d
kênh A4-6	TV	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-d
kênh I4-8	TV	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 39' 04"	105° 57' 13"	20° 35' 20"	105° 57' 04"	F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh I4-12	TV	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 36' 30"	105° 58' 39"	20° 33' 32"	105° 55' 07"	F-48-80-D-d
kênh I4-8-14	TV	xã Tiên Ngoại	H. Duy Tiên			20° 35' 44"	105° 57' 00"	20° 35' 56"	105° 55' 35"	F-48-80-D-d
thôn An Mông 1	DC	xã Tiên Phong	H. Duy Tiên	20° 34' 13"	105° 59' 59"					F-48-80-D-d
thôn An Mông 2	DC	xã Tiên Phong	H. Duy Tiên	20° 34' 01"	105° 59' 41"					F-48-80-D-d
thôn Dưỡng Thọ	DC	xã Tiên Phong	H. Duy Tiên	20° 34' 23"	105° 59' 29"					F-48-80-D-d
Đình Đá	KX	xã Tiên Phong	H. Duy Tiên	20° 34' 03"	105° 59' 37"					F-48-80-D-d
sông Châu Giang	TV	xã Tiên Phong	H. Duy Tiên			20° 34' 23"	106° 00' 01"	20° 33' 06"	105° 54' 33"	F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Tiên Phong	H. Duy Tiên			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
thôn Lạt Hà	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 38' 09"	105° 59' 50"					F-48-80-D-b
thôn Lệ Thủy	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 37' 40"	106° 00' 09"					F-48-81-C-a
thôn Nguyễn Xá	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 37' 05"	106° 00' 58"					F-48-81-C-c
thôn Tường Thuỵ 1	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 38' 08"	106° 00' 40"					F-48-81-C-a
thôn Tường Thuỵ 2	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 37' 38"	106° 00' 34"					F-48-81-C-a
thôn Tường Thuỵ 3	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 37' 28"	106° 00' 24"					F-48-81-C-a
thôn Tường Thuỵ 4	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 37' 04"	106° 00' 26"					F-48-81-C-a
thôn Tường Thuỵ 5	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 37' 33"	106° 01' 18"					F-48-81-C-a
thôn Văn Bút	DC	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 37' 46"	105° 59' 54"					F-48-80-D-b
Cầu Giát	KX	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 38' 38"	106° 00' 09"					F-48-81-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Bạch Liên	KX	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 38' 17"	106° 00' 24"					F-48-81-C-a
đình Tường Thuỵ	KX	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 38' 07"	106° 00' 35"					F-48-81-C-a
Khu công nghiệp Hòa Mạc	KX	xã Trác Văn	H. Duy Tiên	20° 38' 55"	105° 59' 57"					F-48-80-D-d
Quốc lộ 38	KX	xã Trác Văn	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
quốc lộ 38B	KX	xã Trác Văn	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
kênh A4-13	TV	xã Trác Văn	H. Duy Tiên			20° 41' 03"	105° 59' 32"	20° 38' 02"	105° 59' 47"	F-48-80-D-b, F-48-81-C-a
sông Châu Giang	TV	xã Trác Văn	H. Duy Tiên			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
sông Duy Tiên	TV	xã Trác Văn	H. Duy Tiên			20° 40' 01"	105° 56' 39"	20° 37' 37"	105° 59' 34"	F-48-80-D-b
thôn Bãi Bùi	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 39' 12"	105° 56' 53"					F-48-80-D-b
thôn Bùi Xá	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 39' 16"	105° 56' 36"					F-48-80-D-b
thôn Chợ Lương	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 39' 04"	105° 57' 18"					F-48-80-D-b
thôn Đôn Lương	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 16"	105° 57' 37"					F-48-80-D-b
thôn Lũng Xuyên	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 18"	105° 58' 16"					F-48-80-D-b
thôn Lương Xá	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 55"	105° 57' 41"					F-48-80-D-b
thôn Quan Nha	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 15"	105° 58' 51"					F-48-80-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Lũng Xuyên	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 50"	105° 58' 09"					F-48-80-D-b
thôn Trại Quan Nha	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 19"	105° 59' 07"					F-48-80-D-b
thôn Văn Xá	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 46"	105° 56' 53"					F-48-80-D-b
thôn Vũ Xá	DC	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 44"	105° 56' 34"					F-48-80-D-b
đình Lũng Xuyên	KX	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên	20° 38' 20"	105° 58' 08"					F-48-80-D-b
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-80-D-b
quốc lộ 37B	KX	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên			20° 24' 01"	106° 00' 44"	20° 38' 35"	105° 59' 11"	F-48-80-D-b
Quốc lộ 38	KX	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-b
kênh A4-4	TV	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên			20° 36' 02"	105° 58' 17"	20° 38' 08"	105° 57' 40"	F-48-80-D-b
kênh A4-6	TV	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-b
kênh I4-8	TV	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên			20° 39' 04"	105° 57' 13"	20° 35' 20"	105° 57' 04"	F-48-80-D-b
sông Duy Tiên	TV	xã Yên Bắc	H. Duy Tiên			20° 40' 01"	105° 56' 39"	20° 37' 37"	105° 59' 34"	F-48-80-D-b
thôn Điệp Sơn	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 36' 23"	105° 58' 26"					F-48-80-D-d
thôn Lộc Châu	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 36' 41"	105° 58' 50"					F-48-80-D-d
thôn Mang Hạ	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 37' 33"	105° 58' 56"					F-48-80-D-b
thôn Mang Thượng	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 37' 53"	105° 59' 00"					F-48-80-D-b
thôn Thận Trại	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 37' 01"	105° 59' 00"					F-48-80-D-d
thôn Thận Y	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 37' 12"	105° 58' 23"					F-48-80-D-d
thôn Thủy Cơ	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 37' 34"	105° 59' 27"					F-48-80-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Điệp Sơn	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 36' 48"	105° 58' 50"					F-48-80-D-b
thôn Trại Mang	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 37' 11"	105° 59' 07"					F-48-80-D-b
thôn Văn Tiêu	DC	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 37' 48"	105° 58' 44"					F-48-80-D-b
quốc lộ 37B	KX	xã Yên Nam	H. Duy Tiên			20° 24' 01"	106° 00' 44"	20° 38' 35"	105° 59' 11"	F-48-80-D-b
núi Điệp Sơn	SV	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 36' 12"	105° 58' 33"					F-48-80-D-d
Đập Phúc	TV	xã Yên Nam	H. Duy Tiên	20° 36' 28"	105° 58' 54"					F-48-80-D-d
kênh A4-4	TV	xã Yên Nam	H. Duy Tiên			20° 36' 02"	105° 58' 17"	20° 38' 08"	105° 57' 40"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
kênh A4-6	TV	xã Yên Nam	H. Duy Tiên			20° 34' 01"	105° 57' 47"	20° 39' 22"	105° 56' 35"	F-48-80-D-d
kênh I4-12	TV	xã Yên Nam	H. Duy Tiên			20° 36' 30"	105° 58' 39"	20° 33' 32"	105° 55' 07"	F-48-80-D-d
sông Châu Giang	TV	xã Yên Nam	H. Duy Tiên			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
sông Duy Tiên	TV	xã Yên Nam	H. Duy Tiên			20° 40' 01"	105° 56' 39"	20° 37' 37"	105° 59' 34"	F-48-80-D-b
tổ dân phố Số 1	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 33' 36"	105° 49' 07"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 2	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 33' 00"	105° 49' 00"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 3	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 33' 04"	105° 48' 37"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 4	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 33' 10"	105° 48' 54"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 5	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 32' 40"	105° 48' 42"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 6	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 31' 57"	105° 48' 19"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 7	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 30' 51"	105° 48' 21"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 8	DC	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 31' 57"	105° 47' 50"					F-48-80-D-c
dốc Ba Chồm	KX	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 32' 11"	105° 48' 37"					F-48-80-D-c
đèo Bòng Bong	KX	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 30' 22"	105° 48' 30"					F-48-80-D-c
đường Điện Biên Phủ	KX	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng			20° 34' 10"	105° 49' 18"	20° 30' 13"	105° 48' 38"	F-48-80-C-c
đường Lê Hữu Cầu	KX	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng			20° 32' 07"	105° 48' 24"	20° 31' 24"	105° 47' 50"	F-48-80-D-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng			20° 33' 05"	105° 48' 49"	20° 33' 25"	105° 47' 01"	F-48-80-D-c
Khu du lịch sinh thái Tam Chúc Ba Sao	KX	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 33' 55"	105° 48' 30"					F-48-80-D-c
Quốc lộ 21	KX	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng			20° 30' 13"	105° 48' 38"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-80-D-c
hồ Ba Hang	TV	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 30' 45"	105° 48' 58"					F-48-80-D-c
hồ Tam Chúc	TV	TT. Ba Sao	H. Kim Bảng	20° 33' 47"	105° 48' 14"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 1	DC	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 35' 11"	105° 52' 50"					F-48-80-D-d
tổ dân phố Số 2	DC	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 35' 02"	105° 53' 01"					F-48-80-D-d
tổ dân phố Số 3	DC	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 54"	105° 52' 55"					F-48-80-D-d
tổ dân phố Số 4	DC	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 48"	105° 52' 21"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 5	DC	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 47"	105° 52' 08"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 6	DC	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 47"	105° 51' 57"					F-48-80-D-c
tổ dân phố Số 7	DC	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 34"	105° 52' 01"					F-48-80-D-c
Cầu Quế	KX	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 33"	105° 52' 15"					F-48-80-D-c
Công ty Dệt Hải Nam	KX	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 53"	105° 53' 07"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Quế Lâm	KX	TT. Quế	H. Kim Bảng	20° 34' 50"	105° 52' 52"					F-48-80-D-d
đường tỉnh 494B	KX	TT. Quế	H. Kim Bảng			20° 34' 50"	105° 52' 08"	20° 31' 11"	105° 52' 15"	F-48-80-D-c
đường tỉnh 498B	KX	TT. Quế	H. Kim Bảng			20° 34' 38"	105° 53' 07"	20° 38' 21"	105° 53' 55"	F-48-80-D-d
quốc lộ 21B	KX	TT. Quế	H. Kim Bảng			20° 38' 22"	105° 49' 07"	20° 27' 45"	106° 04' 44"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
kênh I3-2-5	TV	TT. Quế	H. Kim Bảng			20° 38' 11"	105° 50' 09"	20° 34' 42"	105° 53' 01"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
kênh PK	TV	TT. Quế	H. Kim Bảng			20° 39' 53"	105° 49' 27"	20° 34' 35"	105° 53' 01"	F-48-80-D-d
kênh PK2	TV	TT. Quế	H. Kim Bảng			20° 35' 12"	105° 53' 07"	20° 34' 29"	105° 51' 12"	F-48-80-D-d
Sông Đáy	TV	TT. Quế	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
xóm 1 Nông Vụ	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 37' 17"	105° 52' 10"					F-48-80-D-c
xóm 10 Tùng Quan	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 38"	105° 51' 58"					F-48-80-D-a
xóm 2 Nông Vụ	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 37' 25"	105° 52' 05"					F-48-80-D-c
xóm 3 Dương Cương	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 37' 59"	105° 52' 25"					F-48-80-D-a
xóm 4 Dương Cương	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 04"	105° 52' 32"					F-48-80-D-b
xóm 5 Dương Cương	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 17"	105° 52' 32"					F-48-80-D-b
xóm 6 Thịnh Đại	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 32"	105° 52' 56"					F-48-80-D-b
xóm 7 Thịnh Đại	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 40"	105° 53' 01"					F-48-80-D-b
xóm 8 Thịnh Đại	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 51"	105° 53' 22"					F-48-80-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 9 Tùng Quan	DC	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 35"	105° 52' 37"					F-48-80-D-b
chùa Dương Cương	KX	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 16"	105° 52' 32"					F-48-80-D-a
chùa Nông Vụ	KX	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 37' 32"	105° 51' 57"					F-48-80-D-a
chùa Tùng Quan	KX	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 40"	105° 51' 43"					F-48-80-D-a
chùa Thịnh Đại	KX	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 52"	105° 53' 24"					F-48-80-D-a
Khu công nghiệp Đồng Văn 4	KX	xã Đại Cương	H. Kim Bảng	20° 38' 20"	105° 53' 17"					F-48-80-D-b
Quốc lộ 38	KX	xã Đại Cương	H. Kim Bảng			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-b
quốc lộ 38 mới	KX	xã Đại Cương	H. Kim Bảng			20° 38' 24"	105° 53' 44"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-b
kênh A3-2	TV	xã Đại Cương	H. Kim Bảng			20° 37' 07"	105° 54' 39"	20° 36' 35"	105° 52' 03"	F-48-80-D-c
kênh I3-2	TV	xã Đại Cương	H. Kim Bảng			20° 38' 49"	105° 53' 48"	20° 38' 07"	105° 49' 24"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-b
kênh I3-2-3	TV	xã Đại Cương	H. Kim Bảng			20° 38' 28"	105° 51' 56"	20° 34' 13"	105° 55' 05"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-c
sông Măng Giang	TV	xã Đại Cương	H. Kim Bảng			20° 38' 50"	105° 51' 11"	20° 39' 11"	105° 53' 40"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-b
xóm 1 Lạc Nhuế	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 48"	105° 51' 37"					F-48-80-D-c
xóm 10 Phương Lâm	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 01"	105° 53' 15"					F-48-80-D-d
xóm 11 Phương Lâm	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 07"	105° 53' 11"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 12 Phương Xá	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 27"	105° 52' 35"					F-48-80-D-d
xóm 13 Phương Xá	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 40"	105° 52' 44"					F-48-80-D-d
xóm 14 Phương Xá	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 45"	105° 52' 41"					F-48-80-D-d
xóm 2 Lạc Nhuế	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 35"	105° 51' 56"					F-48-80-D-c
xóm 3 Lạc Nhuế	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 25"	105° 51' 57"					F-48-80-D-c
xóm 4 Lạc Nhuế	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 27"	105° 52' 15"					F-48-80-D-c
xóm 5 Lạc Nhuế	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 16"	105° 52' 10"					F-48-80-D-c
xóm 6 Yên Lạc	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 24"	105° 52' 23"					F-48-80-D-c
xóm 7 Yên Lạc	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 20"	105° 52' 27"					F-48-80-D-c
xóm 8 Đồng Lạc	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 35' 56"	105° 53' 07"					F-48-80-D-d
xóm 9 Đồng Lạc	DC	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 35' 41"	105° 53' 09"					F-48-80-D-d
cầu Đồng Hóa	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 28"	105° 52' 26"					F-48-80-D-c
chùa Đồng Lạc	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 01"	105° 52' 56"					F-48-80-D-d
chùa Phương Lâm	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 11"	105° 52' 54"					F-48-80-D-d
chùa Yên Lạc	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 22"	105° 52' 14"					F-48-80-D-d
đình Lạc Nhuế	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 29"	105° 52' 03"					F-48-80-D-c
đình Phương Lâm	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 07"	105° 53' 10"					F-48-80-D-d
đình Yên Lạc	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 36' 19"	105° 52' 33"					F-48-80-D-d
Đường tỉnh 498	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 34' 25"	105° 49' 57"	20° 38' 24"	105° 53' 44"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d
văn chỉ Đồng Lạc	KX	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng	20° 35' 52"	105° 53' 09"					F-48-80-D-d
kênh A3-2	TV	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 37' 07"	105° 54' 39"	20° 36' 35"	105° 52' 03"	F-48-80-D-c
kênh I3-2-3	TV	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 38' 28"	105° 51' 56"	20° 34' 13"	105° 55' 05"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
kênh PK	TV	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 39' 53"	105° 49' 27"	20° 34' 35"	105° 53' 01"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
kênh PK2	TV	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 35' 12"	105° 53' 07"	20° 34' 29"	105° 51' 12"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
kênh PK10	TV	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 37' 17"	105° 49' 33"	20° 36' 38"	105° 51' 50"	F-48-80-D-c
mương Đồng Trung	TV	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 37' 24"	105° 51' 45"	20° 36' 39"	105° 51' 12"	F-48-80-D-c
mương Tân Tượng	TV	xã Đồng Hóa	H. Kim Bảng			20° 37' 21"	105° 50' 09"	20° 36' 38"	105° 51' 19"	F-48-80-D-c
thôn Yên Lão	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 35' 48"	105° 55' 12"					F-48-80-D-d
xóm Bờ Sông	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 53"	105° 54' 44"					F-48-80-D-d
Xóm Buộm	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 54"	105° 54' 10"					F-48-80-D-d
Xóm Chầu	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 48"	105° 54' 34"					F-48-80-D-d
Xóm Đình	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 34"	105° 54' 28"					F-48-80-D-d
Xóm Đồng	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 37' 07"	105° 54' 24"					F-48-80-D-d
xóm Đông 1	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 34"	105° 54' 44"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông 2	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 36"	105° 54' 38"					F-48-80-D-d
Xóm Giữa	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 40"	105° 54' 35"					F-48-80-D-d
Xóm Kho	DC	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 43"	105° 54' 29"					F-48-80-D-d
Đình Trải	KX	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng	20° 36' 31"	105° 54' 40"					F-48-80-D-d
kênh A3-2	TV	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng			20° 37' 07"	105° 54' 39"	20° 36' 35"	105° 52' 03"	F-48-80-D-d
Sông Nhuệ	TV	xã Hoàng Tây	H. Kim Bảng			20° 40' 11"	105° 53' 39"	20° 32' 40"	105° 54' 30"	F-48-80-D-d
xóm 1 Khuyến Công	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 59"	105° 50' 22"					F-48-80-D-c
xóm 10 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 14"	105° 50' 00"					F-48-80-D-c
xóm 11 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 07"	105° 50' 08"					F-48-80-D-c
xóm 12 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 06"	105° 50' 22"					F-48-80-D-c
xóm 13 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 00"	105° 50' 32"					F-48-80-D-c
xóm 14 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 34' 50"	105° 50' 21"					F-48-80-D-c
xóm 15 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 34' 42"	105° 50' 05"					F-48-80-D-c
xóm 16 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 34' 25"	105° 49' 51"					F-48-80-D-c
xóm 2 Khuyến Công	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 56"	105° 50' 19"					F-48-80-D-c
xóm 3 Khuyến Công	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 46"	105° 50' 28"					F-48-80-D-c
xóm 4 Khuyến Công	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 46"	105° 50' 25"					F-48-80-D-c
xóm 5 Khuyến Công	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 36"	105° 50' 22"					F-48-80-D-c
xóm 6 Khuyến Công	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 52"	105° 50' 25"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 7 Khuyến Công	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 37"	105° 50' 17"					F-48-80-D-c
xóm 8 Vồng	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 07"	105° 49' 03"					F-48-80-D-c
xóm 9 Khả Phong	DC	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 21"	105° 49' 57"					F-48-80-D-c
cầu Khả Phong	KX	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 11"	105° 50' 26"					F-48-80-D-c
đình Khuyến Công	KX	xã Khả Phong	H. Kim Bảng	20° 35' 35"	105° 50' 24"					F-48-80-D-c
Đường tỉnh 498	KX	xã Khả Phong	H. Kim Bảng			20° 34' 25"	105° 49' 57"	20° 38' 24"	105° 53' 44"	F-48-80-D-c
Quốc lộ 21	KX	xã Khả Phong	H. Kim Bảng			20° 30' 13"	105° 48' 38"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-80-D-c
Sông Đáy	TV	xã Khả Phong	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-c
thôn Đại Phú	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 03"	105° 51' 01"					F-48-80-D-c
xóm 1 Phương Đàn	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 00"	105° 51' 16"					F-48-80-D-a
xóm 1 Phương Thượng	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 52"	105° 50' 41"					F-48-80-D-a
xóm 2 Phương Đàn	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 02"	105° 51' 23"					F-48-80-D-a
xóm 2 Phương Thượng	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 54"	105° 50' 46"					F-48-80-D-a
xóm 3 Phương Đàn	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 05"	105° 51' 32"					F-48-80-D-a
xóm 3 Phương Thượng	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 55"	105° 50' 50"					F-48-80-D-a
xóm 4 An Đông	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 06"	105° 51' 39"					F-48-80-D-a
xóm 4 Phương Thượng	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 50"	105° 50' 47"					F-48-80-D-a
xóm 5 An Đông	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 09"	105° 51' 45"					F-48-80-D-a
xóm 5 Phương Thượng	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 52"	105° 50' 57"					F-48-80-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 6 An Đông	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 11"	105° 51' 50"					F-48-80-D-a
xóm 6 Phương Thượng	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 56"	105° 50' 56"					F-48-80-D-a
xóm 7 Đồng Thái	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 18"	105° 51' 14"					F-48-80-D-a
xóm 7 Phương Thượng	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 59"	105° 50' 54"					F-48-80-D-a
xóm 8 Đồng Thái	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 30"	105° 51' 16"					F-48-80-D-a
xóm 9 Đồng Thái	DC	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 29"	105° 51' 09"					F-48-80-D-a
chùa An Đông	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 19"	105° 51' 43"					F-48-80-D-a
chùa Đồng Thái	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 29"	105° 51' 06"					F-48-80-D-a
chùa Phương Đàn	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 53"	105° 51' 17"					F-48-80-D-a
chùa Phương Thượng	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 53"	105° 50' 41"					F-48-80-D-a
đền Bà Giát	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 15"	105° 51' 02"					F-48-80-D-c
đình An Đông	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 06"	105° 51' 42"					F-48-80-D-a
đình Phương Đàn	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 56"	105° 51' 14"					F-48-80-D-a
đình Phương Thượng	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 52"	105° 50' 52"					F-48-80-D-a
nhà thờ Cao Mật	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 38' 29"	105° 51' 10"					F-48-80-D-a
nhà thờ Đại Phú	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng	20° 37' 01"	105° 51' 05"					F-48-80-D-a
Quốc lộ 38	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a
quốc lộ 38 mới	KX	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 38' 24"	105° 53' 44"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a
kênh I3-2	TV	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 38' 49"	105° 53' 48"	20° 38' 07"	105° 49' 24"	F-48-80-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh I3-2-3	TV	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 38' 28"	105° 51' 56"	20° 34' 13"	105° 55' 05"	F-48-80-D-a
kênh PK	TV	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 39' 53"	105° 49' 27"	20° 34' 35"	105° 53' 01"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-c
mương Đồng Trung	TV	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 37' 24"	105° 51' 45"	20° 36' 39"	105° 51' 12"	F-48-80-D-c
mương Tân Tượng	TV	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 37' 21"	105° 50' 09"	20° 36' 38"	105° 51' 19"	F-48-80-D-c
sông Măng Giang	TV	xã Lê Hồ	H. Kim Bảng			20° 38' 50"	105° 51' 11"	20° 39' 11"	105° 53' 40"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-b
thôn Bút Phong	DC	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 11"	105° 51' 33"					F-48-80-D-c
thôn Do Lễ	DC	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 28"	105° 50' 59"					F-48-80-D-c
thôn Đồng Sơn	DC	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 58"	105° 51' 09"					F-48-80-D-c
đình Đá Do Lễ	KX	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 27"	105° 50' 50"					F-48-80-D-c
Khu du lịch sinh thái Hang Luồn Ao Dong	KX	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 32' 42"	105° 51' 27"					F-48-80-D-c
Nhà máy Xi Măng X77	KX	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 21"	105° 50' 19"					F-48-80-D-c
Quốc lộ 21	KX	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng			20° 30' 13"	105° 48' 38"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-80-D-c
núi Bờ Tường	SV	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 30' 52"	105° 50' 44"					F-48-80-D-c
núi Đức Cha	SV	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 36"	105° 50' 41"					F-48-80-D-c
núi Vườn Đào	SV	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 32' 47"	105° 50' 04"					F-48-80-D-c
hồ Đồng Hán	TV	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 12"	105° 50' 49"					F-48-80-D-c
Sông Đáy	TV	xã Liên Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đanh Xá	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 08"	105° 51' 26"					F-48-80-D-c
xóm 1 Thuỵ Xuyên	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 37"	105° 50' 14"					F-48-80-D-c
xóm 2 Thuỵ Xuyên	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 45"	105° 50' 42"					F-48-80-D-c
xóm 3 Mã Não	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 20"	105° 51' 32"					F-48-80-D-c
xóm 4 Mã Não	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 14"	105° 51' 39"					F-48-80-D-c
xóm 5 Mã Não	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 08"	105° 51' 41"					F-48-80-D-c
xóm 6 Mã Não	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 04"	105° 51' 50"					F-48-80-D-c
xóm 7 Phương Khê	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 11"	105° 51' 56"					F-48-80-D-c
xóm 9 Phương Khê	DC	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 05"	105° 52' 01"					F-48-80-D-c
chùa Bà Đanh	KX	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 13"	105° 51' 02"					F-48-80-D-c
đình Phương Khê	KX	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 08"	105° 51' 51"					F-48-80-D-c
Đường tỉnh 498	KX	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng			20° 34' 25"	105° 49' 57"	20° 38' 24"	105° 53' 44"	F-48-80-D-c
quốc lộ 21B	KX	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng			20° 38' 22"	105° 49' 07"	20° 27' 45"	106° 04' 44"	F-48-80-D-c
Núi Ngọc	SV	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 14"	105° 51' 01"					F-48-80-D-c
kênh I3-2-5	TV	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng			20° 38' 11"	105° 50' 09"	20° 34' 42"	105° 53' 01"	F-48-80-D-c
kênh PK2	TV	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng			20° 35' 12"	105° 53' 07"	20° 34' 29"	105° 51' 12"	F-48-80-D-d
Sông Đáy	TV	xã Ngọc Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-c
xóm 1 Thường Khê	DC	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 38"	105° 50' 55"					F-48-80-D-a
xóm 2 Cát Nguyên	DC	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 51"	105° 50' 33"					F-48-80-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 3 Phù Lưu	DC	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 58"	105° 50' 15"					F-48-80-D-a
xóm 4 Phù Lưu	DC	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 51"	105° 50' 08"					F-48-80-D-a
xóm 5 Phù Lưu	DC	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 46"	105° 50' 06"					F-48-80-D-a
xóm 6 Đức Mộ	DC	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 39' 27"	105° 49' 24"					F-48-80-D-a
xóm 7 Thuận Đức	DC	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 39' 30"	105° 50' 03"					F-48-80-D-a
Chùa Cả	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 30"	105° 49' 53"					F-48-80-D-a
chùa Cát Nguyên	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 56"	105° 50' 32"					F-48-80-D-a
chùa Đức Mộ	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 39' 34"	105° 49' 16"					F-48-80-D-a
chùa Thuận Đức	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 39' 37"	105° 49' 55"					F-48-80-D-a
chùa Thường Khê	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 47"	105° 50' 52"					F-48-80-D-a
Đền Thượng	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng	20° 38' 23"	105° 50' 10"					F-48-80-D-a
Quốc lộ 38	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a
quốc lộ 38 mới	KX	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng			20° 38' 24"	105° 53' 44"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a
kênh I3-2	TV	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng			20° 38' 49"	105° 53' 48"	20° 38' 07"	105° 49' 24"	F-48-80-D-a
kênh I3-2-5	TV	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng			20° 38' 11"	105° 50' 09"	20° 34' 42"	105° 53' 01"	F-48-80-D-a
kênh PK	TV	xã Nguyễn Úy	H. Kim Bảng			20° 39' 53"	105° 49' 27"	20° 34' 35"	105° 53' 01"	F-48-80-D-a
Xóm 1	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 53"	105° 53' 49"					F-48-80-D-d
Xóm 2	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 50"	105° 53' 47"					F-48-80-D-d
Xóm 3	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 45"	105° 53' 46"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 4	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 54"	105° 53' 43"					F-48-80-D-d
Xóm 5	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 43"	105° 53' 41"					F-48-80-D-d
Xóm 6	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 41"	105° 53' 44"					F-48-80-D-d
Xóm 7	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 37"	105° 53' 40"					F-48-80-D-d
Xóm 8	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 40"	105° 53' 35"					F-48-80-D-d
Xóm 9	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 45"	105° 53' 28"					F-48-80-D-d
Xóm 10	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 53"	105° 53' 26"					F-48-80-D-d
Xóm 11	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 56"	105° 53' 24"					F-48-80-D-d
Xóm 12	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 59"	105° 53' 21"					F-48-80-D-d
Xóm 13	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 50"	105° 53' 22"					F-48-80-D-d
Xóm 14	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 37' 16"	105° 53' 06"					F-48-80-D-d
Xóm 15	DC	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 37' 11"	105° 53' 47"					F-48-80-D-d
đình Nhật Tân	KX	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng	20° 36' 40"	105° 53' 31"					F-48-80-D-d
Đường tỉnh 498	KX	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng			20° 34' 25"	105° 49' 57"	20° 38' 24"	105° 53' 44"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
đường tỉnh 498B	KX	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng			20° 34' 38"	105° 53' 07"	20° 38' 21"	105° 53' 55"	F-48-80-D-d
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d
kênh A3-2	TV	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng			20° 37' 07"	105° 54' 39"	20° 36' 35"	105° 52' 03"	F-48-80-D-d
kênh I3-2-3	TV	xã Nhật Tân	H. Kim Bảng			20° 38' 28"	105° 51' 56"	20° 34' 13"	105° 55' 05"	F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nhật Tựu	DC	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng	20° 38' 13"	105° 53' 52"					F-48-80-D-b
thôn Siêu Nghệ	DC	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng	20° 37' 36"	105° 53' 26"					F-48-80-D-b
thôn Văn Bối	DC	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng	20° 37' 46"	105° 53' 43"					F-48-80-D-b
thôn Yên Phú	DC	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng	20° 37' 16"	105° 53' 50"					F-48-80-D-d
cầu Nhật Tựu	KX	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng	20° 38' 23"	105° 53' 59"					F-48-80-D-b
đình Siêu Nghệ	KX	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng	20° 37' 35"	105° 53' 26"					F-48-80-D-b
Đường tỉnh 498	KX	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng			20° 34' 25"	105° 49' 57"	20° 38' 24"	105° 53' 44"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
đường tỉnh 498B	KX	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng			20° 34' 38"	105° 53' 07"	20° 38' 21"	105° 53' 55"	F-48-80-D-d, F-48-80-D-b
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-b
Quốc lộ 38	KX	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-b
quốc lộ 38 mới	KX	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng			20° 38' 24"	105° 53' 44"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-b
kênh A3-2	TV	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng			20° 37' 07"	105° 54' 39"	20° 36' 35"	105° 52' 03"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
Sông Nhuệ	TV	xã Nhật Tựu	H. Kim Bảng			20° 40' 11"	105° 53' 39"	20° 32' 40"	105° 54' 30"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d
xóm 1 Thuỵ Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 59"	105° 50' 33"					F-48-80-D-c
xóm 10 Tân Lang	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 35"	105° 48' 41"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 11 Đồng Bưng	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 09"	105° 48' 35"					F-48-80-D-c
xóm 2 Thuỵ Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 53"	105° 50' 43"					F-48-80-D-c
xóm 3 Thuỵ Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 52"	105° 50' 36"					F-48-80-D-c
xóm 4 Thuỵ Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 45"	105° 50' 39"					F-48-80-D-c
xóm 5 Thuỵ Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 42"	105° 50' 46"					F-48-80-D-c
xóm 6 Hồi Trại	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 21"	105° 50' 16"					F-48-80-D-c
xóm 7 Thuỵ Trại	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 24"	105° 50' 03"					F-48-80-D-c
xóm 8 Vĩnh Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 42"	105° 48' 21"					F-48-80-D-c
xóm 9 Tân Lang	DC	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 46"	105° 48' 45"					F-48-80-D-c
cầu Thôn Ấp	KX	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 37' 12"	105° 50' 09"					F-48-80-D-c
đền Ba Dân	KX	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 34"	105° 50' 36"					F-48-80-D-c
đền Đức Thánh Cả	KX	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 55"	105° 48' 32"					F-48-80-D-c
Đền Mẫu	KX	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 36"	105° 48' 37"					F-48-80-D-c
đình Thuỵ Sơn	KX	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 52"	105° 50' 42"					F-48-80-D-c
quốc lộ 21B	KX	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng			20° 38' 22"	105° 49' 07"	20° 27' 45"	106° 04' 44"	F-48-80-D-c
núi Con Trắm	SV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 01"	105° 49' 15"					F-48-80-D-c
núi Con Trâu	SV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 50"	105° 48' 54"					F-48-80-D-c
núi Đá Cóc	SV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 32"	105° 49' 29"					F-48-80-D-c
núi Đầu Đàng	SV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 36' 22"	105° 49' 27"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Yên Ngựa	SV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng	20° 35' 35"	105° 48' 25"					F-48-80-D-c
kênh I3-2-5	TV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng			20° 38' 11"	105° 50' 09"	20° 34' 42"	105° 53' 01"	F-48-80-D-c
kênh PK10	TV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 17"	105° 49' 33"	20° 36' 38"	105° 51' 50"	F-48-80-D-c
mương Đồng Trung	TV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 24"	105° 51' 45"	20° 36' 39"	105° 51' 12"	F-48-80-D-c
mương Tân Tượng	TV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 21"	105° 50' 09"	20° 36' 38"	105° 51' 19"	F-48-80-D-c
Sông Đáy	TV	xã Tân Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-c
Thôn Ấp	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 11"	105° 50' 06"					F-48-80-D-c
thôn Cao Mỹ	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 38' 06"	105° 50' 23"					F-48-80-D-a
thôn Lưu Giáo	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 51"	105° 49' 51"					F-48-80-D-a
thôn Phù Đê	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 38' 18"	105° 49' 22"					F-48-80-D-a
thôn Phúc Trung	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 38' 02"	105° 49' 41"					F-48-80-D-a
thôn Quang Thừa	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 51"	105° 49' 31"					F-48-80-D-a
thôn Thọ Cầu	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 28"	105° 49' 56"					F-48-80-D-c
cầu Tượng Lĩnh	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 41"	105° 49' 35"					F-48-80-D-a
cầu Thôn Ấp	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 12"	105° 50' 09"					F-48-80-D-c
Chợ Dầu	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 38' 21"	105° 49' 11"					F-48-80-D-a
chùa Tam Giáo	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 11"	105° 49' 15"					F-48-80-D-a
đền Đức Tiên Ông	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 47"	105° 49' 09"					F-48-80-D-a
Đình Bông	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 38' 14"	105° 49' 18"					F-48-80-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy Xi măng Tân Phú Xuân	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 24"	105° 49' 09"					F-48-80-D-c
quốc lộ 21B	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng			20° 38' 22"	105° 49' 07"	20° 27' 45"	106° 04' 44"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-a
Quốc lộ 38	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a
quốc lộ 38 mới	KX	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng			20° 38' 24"	105° 53' 44"	20° 38' 06"	105° 49' 13"	F-48-80-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 03"	105° 49' 02"					F-48-80-D-c
đầm Hoa Đỏ	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 36' 49"	105° 49' 28"					F-48-80-D-c
kênh I3-2	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng			20° 38' 49"	105° 53' 48"	20° 38' 07"	105° 49' 24"	F-48-80-D-a, F-48-80-D-c
kênh I3-2-5	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng			20° 38' 11"	105° 50' 09"	20° 34' 42"	105° 53' 01"	F-48-80-D-a
kênh PK10	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng			20° 37' 17"	105° 49' 33"	20° 36' 38"	105° 51' 50"	F-48-80-D-c
mương Tân Tượng	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng			20° 37' 21"	105° 50' 09"	20° 36' 38"	105° 51' 19"	F-48-80-D-c
vực Chùa Ông	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Kim Bảng	20° 37' 49"	105° 49' 03"					F-48-80-D-a
thôn Bút Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 32' 30"	105° 52' 27"					F-48-80-D-c
thôn Hồng Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 31' 11"	105° 52' 11"					F-48-80-D-c
xóm 1 Thanh Nộn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 53"	105° 53' 09"					F-48-80-D-d
xóm 2 Thanh Nộn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 59"	105° 53' 13"					F-48-80-D-d
xóm 3 Thanh Nộn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 35"	105° 53' 11"					F-48-80-D-d
xóm 4 Thanh Nộn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 33"	105° 52' 59"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 5 Thanh Nộn	DC	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 31"	105° 53' 18"					F-48-80-D-d
đền Lê Chân	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 31' 14"	105° 52' 24"					F-48-80-D-c
Đình Thượng	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 57"	105° 53' 01"					F-48-80-D-d
đường Lý Thường Kiệt	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng			20° 33' 20"	105° 53' 19"	20° 31' 49"	105° 54' 28"	F-48-80-D-d
Đường tỉnh 494	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng			20° 33' 52"	105° 51' 15"	20° 33' 20"	105° 53' 19"	F-48-80-D-d
đường tỉnh 494B	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng			20° 34' 50"	105° 52' 08"	20° 31' 11"	105° 52' 15"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
Khu du lịch sinh thái Lê Chân	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 31' 24"	105° 52' 33"					F-48-80-D-d
Nhà máy Xi Măng Bút Sơn	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 31' 52"	105° 51' 53"					F-48-80-D-c
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d
Quốc lộ 21	KX	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng			20° 30' 13"	105° 48' 38"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
Đồi Am	SV	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 30' 59"	105° 52' 29"					F-48-80-D-c
đồng Canh Dâu	SV	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 29' 10"	105° 50' 37"					F-48-92-B-a
núi Bờ Tường	SV	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 30' 52"	105° 50' 44"					F-48-80-D-c
núi Đồng Mạ	SV	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 31' 37"	105° 52' 41"					F-48-80-D-d
Hồ Trứng	TV	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng	20° 31' 52"	105° 51' 28"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Đáy	TV	xã Thanh Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-d
Xóm 1	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 54"	105° 51' 20"					F-48-80-D-c
Xóm 2	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 11"	105° 51' 45"					F-48-80-D-c
Xóm 3	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 14"	105° 51' 58"					F-48-80-D-c
Xóm 4	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 22"	105° 52' 05"					F-48-80-D-c
Xóm 5	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 20"	105° 52' 13"					F-48-80-D-c
Xóm 6	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 26"	105° 52' 14"					F-48-80-D-c
Xóm 7	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 27"	105° 52' 20"					F-48-80-D-c
Xóm 8	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 24"	105° 52' 27"					F-48-80-D-c
Xóm 9	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 24"	105° 52' 34"					F-48-80-D-d
Xóm 10	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 19"	105° 52' 28"					F-48-80-D-c
Xóm 11	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 21"	105° 52' 42"					F-48-80-D-d
Xóm 12	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 28"	105° 52' 43"					F-48-80-D-d
Xóm 13	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 21"	105° 52' 48"					F-48-80-D-d
Xóm 14	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 17"	105° 52' 58"					F-48-80-D-d
Xóm 15	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 27"	105° 52' 19"					F-48-80-D-c
Xóm 16	DC	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 18"	105° 52' 24"					F-48-80-D-c
Cầu Quế	KX	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 33"	105° 52' 15"					F-48-80-D-c
Chùa Thi	KX	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 33' 57"	105° 51' 27"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đền Trúc	KX	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 02"	105° 51' 32"					F-48-80-D-c
Đường tỉnh 494	KX	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng			20° 33' 52"	105° 51' 15"	20° 33' 20"	105° 53' 19"	F-48-80-D-c
đường tỉnh 494B	KX	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng			20° 34' 50"	105° 52' 08"	20° 31' 11"	105° 52' 15"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d
Quốc lộ 21	KX	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng			20° 30' 13"	105° 48' 38"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
núi Ngũ Động Sơn	SV	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng	20° 34' 00"	105° 51' 31"					F-48-80-D-c
Sông Đáy	TV	xã Thi Sơn	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-c, F-48-80-D-d
xóm 1 Gốm	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 18"	105° 50' 06"					F-48-80-D-c
xóm 2 Gốm	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 18"	105° 50' 13"					F-48-80-D-c
xóm 3 Gốm	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 15"	105° 50' 20"					F-48-80-D-c
xóm 4 Gốm	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 23"	105° 50' 15"					F-48-80-D-c
xóm 5 Trung Hòa	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 51"	105° 50' 35"					F-48-80-D-c
xóm 6 Trung Hòa	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 47"	105° 50' 52"					F-48-80-D-c
xóm 7 Trung Hòa	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 54"	105° 50' 52"					F-48-80-D-c
xóm 8 Hồi Trung	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 36' 05"	105° 50' 41"					F-48-80-D-c
xóm 9 Hồi Trung	DC	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 36' 03"	105° 50' 31"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khả Phong	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 35' 11"	105° 50' 26"					F-48-80-D-c
đình Hồi Trung	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng	20° 36' 00"	105° 50' 39"					F-48-80-D-c
Đường tỉnh 498	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng			20° 34' 25"	105° 49' 57"	20° 38' 24"	105° 53' 44"	F-48-80-D-c
quốc lộ 21B	KX	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng			20° 38' 22"	105° 49' 07"	20° 27' 45"	106° 04' 44"	F-48-80-D-c
kênh I3-2-5	TV	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng			20° 38' 11"	105° 50' 09"	20° 34' 42"	105° 53' 01"	F-48-80-D-c
Sông Đáy	TV	xã Thuỵ Lôi	H. Kim Bảng			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-c
xóm 1 Đặng Xá	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 06"	105° 53' 27"					F-48-80-D-d
xóm 2 Đặng Xá	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 16"	105° 53' 41"					F-48-80-D-d
xóm 3 Đặng Xá	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 29"	105° 53' 47"					F-48-80-D-d
xóm 4 Chanh Thôn	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 46"	105° 53' 28"					F-48-80-D-d
xóm 5 Chanh Thôn	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 48"	105° 53' 36"					F-48-80-D-d
xóm 6 Chanh Thôn	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 55"	105° 53' 33"					F-48-80-D-d
xóm 7 Trung Đồng	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 27"	105° 54' 41"					F-48-80-D-d
xóm 8 Điền Xá	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 36' 01"	105° 53' 53"					F-48-80-D-d
xóm 9 Điền Xá	DC	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 36' 10"	105° 54' 01"					F-48-80-D-d
chùa Đặng Xá	KX	xã Văn Xá	H. Kim Bảng	20° 35' 13"	105° 53' 31"					F-48-80-D-d
đường tỉnh 498B	KX	xã Văn Xá	H. Kim Bảng			20° 34' 38"	105° 53' 07"	20° 38' 21"	105° 53' 55"	F-48-80-D-d
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Văn Xá	H. Kim Bảng			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d
kênh A3-4	TV	xã Văn Xá	H. Kim Bảng			20° 35' 08"	105° 55' 27"	20° 34' 07"	105° 54' 14"	F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh I3-2-3	TV	xã Văn Xá	H. Kim Bảng			20° 38' 28"	105° 51' 56"	20° 34' 13"	105° 55' 05"	F-48-80-D-d
kênh PK	TV	xã Văn Xá	H. Kim Bảng			20° 39' 53"	105° 49' 27"	20° 34' 35"	105° 53' 01"	F-48-80-D-d
Khu phố 1	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 39"	106° 01' 50"					F-48-81-C-c
Khu phố 2	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 40"	106° 01' 41"					F-48-81-C-c
Xóm 1	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 49"	106° 01' 41"					F-48-81-C-c
Xóm 2	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 42"	106° 01' 37"					F-48-81-C-c
Xóm 3	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 36"	106° 01' 48"					F-48-81-C-c
Xóm 4	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 28"	106° 01' 52"					F-48-81-C-c
Xóm 5	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 22"	106° 01' 45"					F-48-81-C-c
Xóm 6	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 16"	106° 01' 45"					F-48-81-C-c
Xóm 7	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 22"	106° 01' 39"					F-48-81-C-c
Xóm 8	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 32"	106° 01' 37"					F-48-81-C-c
Xóm 10	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 34' 01"	106° 01' 39"					F-48-81-C-c
Xóm 11	DC	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 50"	106° 01' 36"					F-48-81-C-c
đình Vĩnh Trụ	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân	20° 33' 46"	106° 01' 45"					F-48-81-C-c
đường Nguyễn Phúc Lai	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 34' 00"	106° 01' 42"	20° 33' 56"	106° 01' 54"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 491	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 32' 38"	105° 56' 46"	20° 34' 08"	106° 07' 29"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 492	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 36' 50"	106° 00' 47"	20° 33' 38"	106° 01' 42"	F-48-81-C-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 33' 36"	106° 01' 30"	20° 33' 44"	106° 02' 00"	F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Nhân Tông	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 33' 38"	106° 01' 42"	20° 34' 13"	106° 01' 42"	F-48-81-C-c
đường Trần Nhật Duật	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 33' 36"	106° 01' 32"	20° 32' 46"	106° 01' 35"	F-48-81-C-c
đường Trần Quang Khải	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 33' 36"	106° 01' 32"	20° 34' 13"	106° 01' 42"	F-48-81-C-c
đường Trần Thánh Tông	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 33' 38"	106° 01' 42"	20° 32' 52"	106° 01' 46"	F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh tưới Như Trác	TV	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 33' 19"	106° 00' 08"	20° 33' 55"	106° 08' 12"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	TT. Vĩnh Trụ	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
Thôn Cao	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 37"	106° 04' 53"					F-48-81-C-c
Thôn Chàng	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 44"	106° 04' 26"					F-48-81-C-c
Thôn Đọ	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 39"	106° 04' 41"					F-48-81-C-c
Thôn Hàn	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 20"	106° 04' 55"					F-48-81-C-c
thôn Nội Chuối	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 26"	106° 04' 50"					F-48-81-C-c
thôn Nội Rối	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 45"	106° 05' 26"					F-48-81-C-c
Thôn Ngô	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 41"	106° 04' 52"					F-48-81-C-c
thôn Phú Khê	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 09"	106° 04' 36"					F-48-81-C-c
thôn Tú Yên	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 57"	106° 04' 52"					F-48-81-C-c
thôn Văn An	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 58"	106° 04' 31"					F-48-81-C-c
thôn Yên Trạch	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 42"	106° 04' 17"					F-48-81-C-c
xóm 2 Quang Ốc	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 18"	106° 05' 27"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 3 Quang Ốc	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 22"	106° 05' 17"					F-48-81-C-c
xóm 4 Chương	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 26"	106° 05' 18"					F-48-81-C-c
xóm 5 Chương	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 15"	106° 05' 13"					F-48-81-C-c
xóm 6 Chương	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 22"	106° 05' 26"					F-48-81-C-c
xóm 7 Chương	DC	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 15"	106° 05' 24"					F-48-81-C-c
Cầu Không	KX	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 02"	106° 04' 34"					F-48-81-C-c
chùa Nội Rối	KX	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 49"	106° 05' 20"					F-48-81-C-c
đền Nội Rối	KX	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 43"	106° 05' 19"					F-48-81-C-c
đình Chương Lương	KX	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 19"	106° 05' 17"					F-48-81-C-c
đình Nội Rối	KX	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 47"	106° 05' 22"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 491	KX	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 38"	105° 56' 46"	20° 34' 08"	106° 07' 29"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 499	KX	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 24"	105° 56' 46"	20° 35' 34"	106° 07' 40"	F-48-81-C-c
kênh C2	TV	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân			20° 34' 05"	106° 06' 39"	20° 37' 04"	106° 01' 19"	F-48-81-C-c
kênh C9	TV	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân			20° 33' 57"	106° 04' 24"	20° 31' 47"	106° 07' 32"	F-48-81-C-c
kênh Long Xuyên	TV	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
kênh tiêu Như Trác	TV	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân			20° 34' 01"	106° 04' 35"	20° 33' 56"	106° 08' 08"	F-48-81-C-c
kênh tưới Như Trác	TV	xã Bắc Lý	H. Lý Nhân			20° 33' 19"	106° 00' 08"	20° 33' 55"	106° 08' 12"	F-48-81-C-c
xóm 1 Phú Đa	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 07"	106° 02' 22"					F-48-81-C-c
xóm 2 Phú Đa	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 18"	106° 02' 07"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 3 Phú Đa	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 56"	106° 02' 13"					F-48-81-C-c
xóm 4 Phú Đa	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 08"	106° 02' 06"					F-48-81-C-c
xóm 5 Phú Đa	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 59"	106° 02' 08"					F-48-81-C-c
xóm 6 Phú Đa	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 42"	106° 01' 44"					F-48-81-C-c
Xóm Bá	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 10"	106° 01' 26"					F-48-81-C-c
xóm Cát Tường	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 30"	106° 01' 09"					F-48-81-C-c
xóm Đồng Hưng	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 18"	106° 01' 48"					F-48-81-C-c
xóm Hòa Bình	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 13"	106° 01' 02"					F-48-81-C-c
xóm Tân Hưng	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 48"	106° 01' 40"					F-48-81-C-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 00"	106° 01' 23"					F-48-81-C-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 02"	106° 01' 06"					F-48-81-C-c
xóm Tân Trung	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 51"	106° 01' 31"					F-48-81-C-c
xóm Tiền Vinh	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 22"	106° 01' 20"					F-48-81-C-c
xóm Thái Bình	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 01"	106° 01' 02"					F-48-81-C-c
xóm Thống Nhất	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 36"	106° 01' 20"					F-48-81-C-c
Xóm Vương	DC	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 17"	106° 01' 31"					F-48-81-C-c
đình Mạc Hạ	KX	xã Công Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 18"	106° 01' 49"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 492	KX	xã Công Lý	H. Lý Nhân			20° 36' 50"	106° 00' 47"	20° 33' 38"	106° 01' 42"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 499	KX	xã Công Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 24"	105° 56' 46"	20° 35' 34"	106° 07' 40"	F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 38B	KX	xã Công Lý	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh C2	TV	xã Công Lý	H. Lý Nhân			20° 34' 05"	106° 06' 39"	20° 37' 04"	106° 01' 19"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Công Lý	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
xóm 1 Đồng Yên	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 42"	106° 06' 02"					F-48-81-C-c
xóm 1 Hào Châu	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 26"	106° 06' 59"					F-48-81-C-c
xóm 1 Phú Lư	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 43"	106° 05' 10"					F-48-81-C-c
xóm 2 Cao Đường	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 24"	106° 06' 49"					F-48-81-C-c
xóm 2 Đồng Yên	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 41"	106° 06' 23"					F-48-81-C-c
xóm 2 Trương Xá	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 04"	106° 04' 50"					F-48-81-C-c
xóm 3 Đồng Lư Hạ	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 36"	106° 06' 44"					F-48-81-C-c
xóm 3 Đồng Yên	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 25"	106° 06' 37"					F-48-81-C-c
xóm 3 Vũ Điện	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 37"	106° 05' 18"					F-48-81-C-c
xóm 4 Đồng Lư Hạ	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 43"	106° 06' 41"					F-48-81-C-c
xóm 4 Đồng Yên	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 36"	106° 06' 41"					F-48-81-C-c
xóm 4 Trạm Khê	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 24"	106° 05' 46"					F-48-81-C-c
xóm 5 Đồng Lư Trung	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 53"	106° 06' 18"					F-48-81-C-c
xóm 5 Đồng Yên	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 19"	106° 07' 01"					F-48-81-C-c
xóm 5 Trạm Khê	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 17"	106° 05' 30"					F-48-81-C-c
xóm 6 Đồng Lư Thượng	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 02"	106° 06' 03"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 6 Đức Thông	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 01"	106° 07' 09"					F-48-81-C-c
xóm 6 Vũ Điện	DC	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 03"	106° 05' 08"					F-48-81-C-c
bến đò Vũ Điện	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 29"	106° 05' 02"					F-48-81-C-c
cầu Hưng Hà	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 53"	106° 05' 30"					F-48-81-C-d
cầu Thái Hà	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 34"	106° 07' 40"					F-48-81-C-d
đền Bà Vũ	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 20"	106° 04' 58"					F-48-81-C-c
đình Đồng Lư (Hạ)	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 48"	106° 06' 41"					F-48-81-C-c
đình Đồng Lư (Thượng)	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 10"	106° 05' 57"					F-48-81-C-c
đình Đồng Lư (Trung)	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 56"	106° 06' 15"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 499	KX	xã Chân Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 24"	105° 56' 46"	20° 35' 34"	106° 07' 40"	F-48-81-C-c
kênh C2	TV	xã Chân Lý	H. Lý Nhân			20° 34' 05"	106° 06' 39"	20° 37' 04"	106° 01' 19"	F-48-81-C-c
Sông Hồng	TV	xã Chân Lý	H. Lý Nhân			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
Xóm 1	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 37' 01"	106° 01' 35"					F-48-81-C-c
Xóm 2	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 49"	106° 01' 15"					F-48-81-C-c
Xóm 3	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 36"	106° 01' 06"					F-48-81-C-c
Xóm 4	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 28"	106° 01' 23"					F-48-81-C-c
Xóm 5	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 26"	106° 01' 00"					F-48-81-C-c
Xóm 6	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 38"	106° 00' 53"					F-48-81-C-c
Xóm 7	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 31"	106° 00' 45"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 8	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 42"	106° 00' 21"					F-48-81-C-c
Xóm 9	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 53"	106° 01' 06"					F-48-81-C-c
Xóm 10	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 16"	106° 01' 01"					F-48-81-C-c
Xóm 11	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 04"	106° 00' 53"					F-48-81-C-c
Xóm 12	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 55"	106° 01' 01"					F-48-81-C-c
Xóm 13	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 41"	106° 01' 00"					F-48-81-C-c
Xóm 14	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 09"	106° 00' 31"					F-48-81-C-c
Xóm 15	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 53"	106° 00' 30"					F-48-81-C-c
Xóm 16	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 26"	106° 00' 28"					F-48-81-C-c
Xóm 17	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 10"	106° 00' 33"					F-48-81-C-c
Xóm 18	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 13"	106° 00' 16"					F-48-81-C-c
Xóm 19	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 43"	106° 00' 12"					F-48-81-C-c
Xóm 20	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 28"	106° 00' 55"					F-48-81-C-c
Xóm 21	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 20"	106° 00' 42"					F-48-81-C-c
Xóm 22	DC	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 11"	106° 00' 59"					F-48-81-C-c
cầu Hợp Lý	KX	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 56"	106° 00' 49"					F-48-81-C-c
cầu Văn Hùng	KX	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 02"	106° 00' 22"					F-48-81-C-c
Chợ Mạc	KX	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 34"	106° 01' 32"					F-48-81-C-c
chùa Mạc Thượng	KX	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 39"	106° 01' 34"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Mạc Thượng	KX	xã Chính Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 40"	106° 01' 32"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 492	KX	xã Chính Lý	H. Lý Nhân			20° 36' 50"	106° 00' 47"	20° 33' 38"	106° 01' 42"	F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Chính Lý	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh C2	TV	xã Chính Lý	H. Lý Nhân			20° 34' 05"	106° 06' 39"	20° 37' 04"	106° 01' 19"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Chính Lý	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
thôn An Châu	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 53"	106° 04' 31"					F-48-81-C-c
thôn Đồng Lâu	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 47"	106° 04' 35"					F-48-81-C-c
thôn Đồng Vũ	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 11"	106° 04' 33"					F-48-81-C-c
Thôn Lưu	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 54"	106° 04' 24"					F-48-81-C-c
thôn Quan Nhân	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 50"	106° 04' 20"					F-48-81-C-c
thôn Thọ Chương	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 35"	106° 03' 54"					F-48-81-C-c
thôn Thọ Lão	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 09"	106° 04' 05"					F-48-81-C-c
xóm Đông Xuyên	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 02"	106° 03' 36"					F-48-81-C-c
xóm Tây Xuyên	DC	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 03"	106° 03' 28"					F-48-81-C-c
chùa Đồng Vũ	KX	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 08"	106° 04' 30"					F-48-81-C-c
đình Đồng Vũ	KX	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 08"	106° 04' 35"					F-48-81-C-c
đình Thọ Chương	KX	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 39"	106° 03' 55"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 499	KX	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 24"	105° 56' 46"	20° 35' 34"	106° 07' 40"	F-48-81-C-c
kênh C2	TV	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân			20° 34' 05"	106° 06' 39"	20° 37' 04"	106° 01' 19"	F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Long Xuyên	TV	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
Sông Hồng	TV	xã Đạo Lý	H. Lý Nhân			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-c
xóm 1 Công Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 05"	106° 02' 00"					F-48-81-C-c
xóm 10 Mai Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 32' 58"	106° 01' 58"					F-48-81-C-c
xóm 2 Công Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 07"	106° 02' 11"					F-48-81-C-c
xóm 3 Công Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 09"	106° 02' 16"					F-48-81-C-c
xóm 4 Công Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 03"	106° 02' 31"					F-48-81-C-c
xóm 5 Mai Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 51"	106° 02' 27"					F-48-81-C-c
xóm 6 Mai Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 46"	106° 02' 09"					F-48-81-C-c
xóm 7 Mai Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 26"	106° 02' 11"					F-48-81-C-c
xóm 8 Mai Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 10"	106° 02' 07"					F-48-81-C-c
xóm 9 Mai Xá	DC	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 04"	106° 02' 02"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 491	KX	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 38"	105° 56' 46"	20° 34' 08"	106° 07' 29"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 492	KX	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân			20° 36' 50"	106° 00' 47"	20° 33' 38"	106° 01' 42"	F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh tưới Như Trác	TV	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân			20° 33' 19"	106° 00' 08"	20° 33' 55"	106° 08' 12"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Đồng Lý	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
Thôn Ngò	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 07"	106° 03' 09"					F-48-81-C-c
thôn Tế Xuyên	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 30"	106° 03' 44"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Văn Xá	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 59"	106° 03' 51"					F-48-81-C-c
xóm 7 Hội Động	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 24"	106° 01' 45"					F-48-81-C-c
Xóm Báng	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 58"	106° 03' 30"					F-48-81-C-c
Xóm Bến	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 45"	106° 04' 02"					F-48-81-C-c
xóm Giữa Hội Động	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 36"	106° 02' 25"					F-48-81-C-c
Xóm Hạ	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 50"	106° 03' 28"					F-48-81-C-c
Xóm Kênh	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 40"	106° 03' 53"					F-48-81-C-c
Xóm Kiếu	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 50"	106° 02' 51"					F-48-81-C-c
Xóm Nội	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 43"	106° 03' 01"					F-48-81-C-c
xóm Ngoài Hội Động	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 40"	106° 02' 16"					F-48-81-C-c
Xóm Rặng	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 04"	106° 03' 21"					F-48-81-C-c
Xóm Sồng	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 05"	106° 03' 42"					F-48-81-C-c
xóm Trong Hội Động	DC	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 31"	106° 02' 32"					F-48-81-C-c
chùa Tế Xuyên	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 27"	106° 03' 48"					F-48-81-C-c
Đền Báng	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 57"	106° 03' 24"					F-48-81-C-c
Đình Báng	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 58"	106° 03' 28"					F-48-81-C-c
đình Hội Động	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 37"	106° 02' 33"					F-48-81-C-c
Đình Ngò	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 03"	106° 03' 05"					F-48-81-C-c
đình Tế Xuyên	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 27"	106° 03' 45"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Văn Xá	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân	20° 33' 59"	106° 03' 49"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 491	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 38"	105° 56' 46"	20° 34' 08"	106° 07' 29"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 492	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 36' 50"	106° 00' 47"	20° 33' 38"	106° 01' 42"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 499	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 24"	105° 56' 46"	20° 35' 34"	106° 07' 40"	F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh C4	TV	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 33' 53"	106° 03' 31"	20° 35' 48"	106° 03' 09"	F-48-81-C-c
kênh Long Xuyên	TV	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
kênh tưới Như Trác	TV	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 33' 19"	106° 00' 08"	20° 33' 55"	106° 08' 12"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Đức Lý	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
xóm 1 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 49"	106° 08' 55"					F-48-93-A-b
xóm 10 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 34"	106° 09' 07"					F-48-93-A-b
xóm 11 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 56"	106° 09' 25"					F-48-93-A-b
xóm 12 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 41"	106° 09' 32"					F-48-93-A-b
xóm 13 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 07"	106° 09' 25"					F-48-93-A-b
xóm 14 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 02"	106° 09' 47"					F-48-93-A-b
xóm 15 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 29"	106° 09' 59"					F-48-93-A-b
xóm 16 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 38"	106° 09' 47"					F-48-93-A-b
xóm 17 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 32"	106° 09' 26"					F-48-93-A-b
xóm 18 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 46"	106° 10' 24"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 19 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 45"	106° 10' 12"					F-48-93-A-b
xóm 2 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 04"	106° 09' 01"					F-48-93-A-b
xóm 20 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 52"	106° 10' 24"					F-48-93-A-b
xóm 21 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 56"	106° 10' 08"					F-48-93-A-b
xóm 22 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 03"	106° 10' 09"					F-48-93-A-b
xóm 23 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 28"	106° 09' 34"					F-48-93-A-b
xóm 24 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 27"	106° 09' 53"					F-48-93-A-b
xóm 25 Nhân Hòa	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 53"	106° 09' 46"					F-48-93-A-b
xóm 3 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 13"	106° 09' 09"					F-48-93-A-b
xóm 4 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 29' 09"	106° 09' 20"					F-48-93-A-b
xóm 5 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 56"	106° 09' 06"					F-48-93-A-b
xóm 6 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 38"	106° 08' 58"					F-48-93-A-b
xóm 7 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 23"	106° 08' 36"					F-48-93-A-b
xóm 8 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 16"	106° 08' 54"					F-48-93-A-b
xóm 9 Nhân Hậu	DC	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 29"	106° 09' 02"					F-48-93-A-b
Cầu Sắc	KX	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 14"	106° 08' 35"					F-48-93-A-b
Công ty Dệt may Châu Giang	KX	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 28"	106° 08' 41"					F-48-93-A-b
Khu tưởng niệm Nhà văn, liệt sỹ Nam Cao	KX	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân	20° 28' 21"	106° 08' 52"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 38B	KX	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-93-A-b
kênh C1	TV	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân			20° 33' 51"	106° 08' 10"	20° 28' 29"	106° 10' 11"	F-48-81-C-d
kênh CG16	TV	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân			20° 29' 31"	106° 09' 57"	20° 28' 23"	106° 08' 27"	F-48-93-A-b
sông Châu Giang	TV	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Hòa Hậu	H. Lý Nhân			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-d, F-48-93-A-b
xóm 1 Dũng Kim	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 37' 31"	105° 59' 45"					F-48-80-D-d
xóm 10 Thượng Châu	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 35"	105° 59' 36"					F-48-80-D-d
xóm 11 Thượng Châu	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 30"	105° 59' 25"					F-48-80-D-d
xóm 12 Chỉ Trụ	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 11"	105° 59' 31"					F-48-80-D-d
xóm 13 Chỉ Trụ	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 22"	105° 59' 20"					F-48-80-D-d
xóm 14 Chỉ Trụ	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 28"	105° 59' 07"					F-48-80-D-d
xóm 15 Phúc Hạ	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 20"	105° 58' 59"					F-48-80-D-d
xóm 16 Phúc Hạ	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 19"	105° 59' 11"					F-48-80-D-d
xóm 17 Phúc Hạ	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 09"	105° 58' 55"					F-48-80-D-d
xóm 18 Phúc Hạ	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 11"	105° 59' 10"					F-48-80-D-d
xóm 2 Phúc Thượng	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 37' 16"	105° 59' 33"					F-48-80-D-d
xóm 3 Phúc Thượng	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 37' 04"	105° 59' 36"					F-48-80-D-d
xóm 4 Phúc Thượng	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 51"	105° 59' 23"					F-48-80-D-d
xóm 5 Phúc Thượng	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 51"	105° 59' 40"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 6 Phúc Thủy	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 47"	106° 00' 11"					F-48-80-D-d
xóm 7 Phúc Thủy	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 38"	106° 00' 02"					F-48-80-D-d
xóm 8 Phúc Thủy	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 31"	105° 59' 52"					F-48-80-D-d
xóm 9 Thượng Châu	DC	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 44"	105° 59' 20"					F-48-80-D-d
Chợ Phúc	KX	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 16"	105° 58' 55"					F-48-80-D-d
Đường tỉnh 492	KX	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân			20° 36' 50"	106° 00' 47"	20° 33' 38"	106° 01' 42"	F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
Đập Phúc	TV	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 28"	105° 58' 54"					F-48-80-D-d
sông Châu Giang	TV	xã Hợp Lý	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-80-D-b, F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
xóm 1 Đồng Phú	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 52"	106° 02' 22"					F-48-81-C-c
xóm 1 Thư Lâu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 38"	106° 02' 31"					F-48-81-C-c
xóm 1 Trần Xá	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 13"	106° 03' 02"					F-48-81-C-c
xóm 1-5 Mão Cầu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 35"	106° 02' 55"					F-48-81-C-c
xóm 2 Đồng Phú	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 56"	106° 02' 36"					F-48-81-C-c
xóm 2 Mão Cầu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 33"	106° 02' 27"					F-48-81-C-c
xóm 2 Thư Lâu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 37"	106° 02' 19"					F-48-81-C-c
xóm 2 Trần Xá	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 59"	106° 03' 07"					F-48-81-C-c
xóm 3 Thư Lâu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 12"	106° 02' 02"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 3 Trần Xá	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 01"	106° 02' 52"					F-48-81-C-c
xóm 3-4 Đồng Phú	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 53"	106° 02' 47"					F-48-81-C-c
xóm 4 Mão Cầu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 47"	106° 02' 02"					F-48-81-C-c
xóm 4 Thư Lâu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 05"	106° 02' 07"					F-48-81-C-c
xóm 4 Trần Xá	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 15"	106° 02' 49"					F-48-81-C-c
xóm Hải Long 1	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 33"	106° 02' 40"					F-48-81-C-c
xóm Hải Long 2	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 30"	106° 02' 45"					F-48-81-C-c
xóm Liên Đức	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 56"	106° 02' 39"					F-48-81-C-c
xóm Long Lâu	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 12"	106° 02' 34"					F-48-81-C-c
xóm Nga Khê	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 49"	106° 02' 23"					F-48-81-C-c
xóm Nga Thượng - Long Đức	DC	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 37' 03"	106° 02' 12"					F-48-81-C-c
chùa Phúc Hải	KX	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 39"	106° 02' 46"					F-48-81-C-c
đình Phúc Hải	KX	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 38"	106° 02' 46"					F-48-81-C-c
đình Trần Xá	KX	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 36' 15"	106° 03' 05"					F-48-81-C-c
Đường tỉnh 499	KX	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân			20° 32' 24"	105° 56' 46"	20° 35' 34"	106° 07' 40"	F-48-81-C-c
tuyến đò Nga Khê	KX	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân	20° 37' 09"	106° 02' 46"					F-48-81-C-c
kênh C2	TV	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân			20° 34' 05"	106° 06' 39"	20° 37' 04"	106° 01' 19"	F-48-81-C-c
kênh C4	TV	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân			20° 33' 53"	106° 03' 31"	20° 35' 48"	106° 03' 09"	F-48-81-C-c
kênh Long Xuyên	TV	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Châu Giang	TV	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
Sông Hồng	TV	xã Nguyên Lý	H. Lý Nhân			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-c
xóm 1 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 23"	106° 06' 03"					F-48-81-C-c
xóm 10 Nha	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 01"	106° 05' 40"					F-48-81-C-c
xóm 12 Lại Khê	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 31' 29"	106° 06' 05"					F-48-81-C-c
xóm 13 Lại Khê	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 31' 29"	106° 05' 56"					F-48-81-C-c
xóm 14 Trung Tiến	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 31' 28"	106° 05' 48"					F-48-81-C-c
xóm 15 Đồng Nhuệ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 31' 10"	106° 05' 51"					F-48-81-C-c
xóm 16 Đồng Nhuệ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 30' 58"	106° 06' 02"					F-48-81-C-c
xóm 17 Đồng Nhuệ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 30' 48"	106° 06' 10"					F-48-81-C-c
xóm 18 Đồng Nhuệ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 30' 56"	106° 06' 12"					F-48-81-C-c
xóm 19 Lại Khê	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 30' 58"	106° 06' 29"					F-48-81-C-c
xóm 2 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 22"	106° 06' 12"					F-48-81-C-c
xóm 20 Lại Khê	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 31' 21"	106° 06' 03"					F-48-81-C-c
xóm 21 Đồng Nhuệ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 30' 51"	106° 06' 22"					F-48-81-C-c
xóm 3 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 29"	106° 06' 17"					F-48-81-C-c
xóm 4 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 30"	106° 06' 27"					F-48-81-C-c
xóm 5 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 25"	106° 06' 32"					F-48-81-C-c
xóm 6 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 16"	106° 06' 34"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 7 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 08"	106° 06' 30"					F-48-81-C-c
xóm 8 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 01"	106° 06' 41"					F-48-81-C-c
xóm 9 Vạn Thọ	DC	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 08"	106° 06' 22"					F-48-81-C-c
cầu Bồ Đề	KX	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 30' 39"	106° 05' 54"					F-48-81-C-c
đình Vạn Thọ	KX	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân	20° 32' 26"	106° 06' 17"					F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh C9	TV	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân			20° 33' 57"	106° 04' 24"	20° 31' 47"	106° 07' 32"	F-48-81-C-c
kênh Long Xuyên	TV	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Nhân Bình	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
xóm 1 Hạ Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 31' 55"	106° 04' 12"					F-48-81-C-c
xóm 1 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 33' 04"	106° 03' 30"					F-48-81-C-c
xóm 10 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 21"	106° 03' 08"					F-48-81-C-c
xóm 11 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 07"	106° 02' 50"					F-48-81-C-c
xóm 12 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 16"	106° 02' 53"					F-48-81-C-c
xóm 13 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 14"	106° 02' 42"					F-48-81-C-c
xóm 2 Hạ Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 31' 43"	106° 03' 58"					F-48-81-C-c
xóm 2 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 44"	106° 03' 26"					F-48-81-C-c
xóm 3 Hạ Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 12"	106° 03' 44"					F-48-81-C-c
xóm 3 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 20"	106° 03' 28"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 4 Hạ Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 20"	106° 03' 54"					F-48-81-C-c
xóm 4 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 11"	106° 03' 30"					F-48-81-C-c
xóm 5 Hạ Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 21"	106° 03' 42"					F-48-81-C-c
xóm 5 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 31' 53"	106° 03' 39"					F-48-81-C-c
xóm 6 Hạ Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 31"	106° 03' 58"					F-48-81-C-c
xóm 6 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 31' 56"	106° 03' 27"					F-48-81-C-c
xóm 7 Hạ Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 54"	106° 04' 02"					F-48-81-C-c
xóm 7 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 03"	106° 03' 23"					F-48-81-C-c
xóm 8 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 10"	106° 03' 13"					F-48-81-C-c
xóm 9 Thượng Vỹ	DC	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 04"	106° 03' 05"					F-48-81-C-c
cầu Châu Giang	KX	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 31' 47"	106° 03' 36"					F-48-81-C-c
đường tỉnh 496B	KX	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân			20° 32' 34"	106° 03' 23"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-81-C-c
phủ Thượng Vỹ	KX	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân	20° 32' 21"	106° 02' 54"					F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Nhân Chính	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
thôn Đội Xuyên	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 46"	106° 07' 00"					F-48-81-C-c
thôn Đồng Nhân	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 12"	106° 06' 50"					F-48-81-C-c
thôn Khu Hoàng	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 36"	106° 06' 59"					F-48-81-C-c
thôn Trác Nội	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 21"	106° 06' 07"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trác Ngoại	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 06"	106° 07' 23"					F-48-81-C-d
xóm 1 Trần Thương	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 42"	106° 06' 32"					F-48-81-C-c
xóm 2 Trần Thương	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 37"	106° 06' 18"					F-48-81-C-c
xóm 3 Trần Thương	DC	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 32"	106° 06' 11"					F-48-81-C-c
Cầu Tróc	KX	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 06"	106° 06' 39"					F-48-81-C-c
đền Trần Thương	KX	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 38"	106° 06' 15"					F-48-81-C-c
đình Trác Nội	KX	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân	20° 34' 25"	106° 06' 10"					F-48-81-C-c
Đường huyện 10	KX	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân			20° 34' 06"	106° 06' 39"	20° 31' 31"	106° 07' 35"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 491	KX	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân			20° 32' 38"	105° 56' 46"	20° 34' 08"	106° 07' 29"	F-48-81-C-c
kênh C2	TV	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân			20° 34' 05"	106° 06' 39"	20° 37' 04"	106° 01' 19"	F-48-81-C-c
kênh tiêu Như Trác	TV	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân			20° 34' 01"	106° 04' 35"	20° 33' 56"	106° 08' 08"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
kênh tưới Như Trác	TV	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân			20° 33' 19"	106° 00' 08"	20° 33' 55"	106° 08' 12"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Nhân Đạo	H. Lý Nhân			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-d
Thôn Cao	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 32' 48"	106° 06' 18"					F-48-81-C-c
thôn Điện Bàn	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 33' 30"	106° 05' 44"					F-48-81-C-c
Thôn Hạ	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 32' 54"	106° 06' 03"					F-48-81-C-c
thôn Mai Hoành	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 33' 43"	106° 06' 50"					F-48-81-C-c
thôn Mai Nguyên	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 33' 48"	106° 06' 30"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ốc Bắc	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 33' 47"	106° 05' 49"					F-48-81-C-c
thôn Ốc Đông	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 33' 51"	106° 06' 02"					F-48-81-C-c
thôn Thọ Mai	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 33' 41"	106° 07' 18"					F-48-81-C-c
thôn Văn Nội	DC	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 33' 09"	106° 06' 26"					F-48-81-C-c
Cầu Tróc	KX	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân	20° 34' 06"	106° 06' 39"					F-48-81-C-c
Đường huyện 10	KX	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân			20° 34' 06"	106° 06' 39"	20° 31' 41"	106° 07' 38"	F-48-81-C-c
Đường tỉnh 491	KX	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân			20° 32' 38"	105° 56' 46"	20° 34' 08"	106° 07' 29"	F-48-81-C-c
kênh Long Xuyên	TV	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
kênh tiêu Như Trác	TV	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân			20° 34' 01"	106° 04' 35"	20° 33' 56"	106° 08' 08"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
kênh tưới Như Trác	TV	xã Nhân Hưng	H. Lý Nhân			20° 33' 19"	106° 00' 08"	20° 33' 55"	106° 08' 12"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
Xóm 1	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 42"	106° 01' 50"					F-48-81-C-c
Xóm 2	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 35"	106° 01' 51"					F-48-81-C-c
Xóm 3	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 44"	106° 02' 02"					F-48-81-C-c
Xóm 4	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 51"	106° 02' 13"					F-48-81-C-c
Xóm 5	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 58"	106° 02' 23"					F-48-81-C-c
Xóm 6	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 44"	106° 02' 35"					F-48-81-C-c
Xóm 7	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 35"	106° 02' 46"					F-48-81-C-c
Xóm 8	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 23"	106° 02' 29"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 9	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 13"	106° 02' 19"					F-48-81-C-c
Xóm 10	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 32' 07"	106° 02' 11"					F-48-81-C-c
Xóm 11	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 33' 13"	106° 02' 45"					F-48-81-C-c
Xóm 12	DC	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 33' 22"	106° 03' 34"					F-48-81-C-c
Đình Giá	KX	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân	20° 33' 10"	106° 02' 44"					F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Nhân Khang	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
thôn Bồ Khánh	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 32' 52"	106° 07' 15"					F-48-81-C-c
thôn Cao Đà Hạ	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 31' 18"	106° 08' 23"					F-48-81-C-d
thôn Cao Đà Thượng	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 31' 28"	106° 07' 52"					F-48-81-C-d
Thôn Chanh	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 32' 03"	106° 08' 04"					F-48-81-C-d
thôn Đà Tiềm Long Xuyên	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 32' 26"	106° 07' 41"					F-48-81-C-c
thôn Nội Hà	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 32' 28"	106° 08' 08"					F-48-81-C-d
Thôn Thông	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 33' 14"	106° 06' 50"					F-48-81-C-c
thôn Vĩnh Đà	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 30' 47"	106° 08' 27"					F-48-81-C-d
Xóm Gia	DC	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 32' 51"	106° 07' 03"					F-48-81-C-c
Chợ Chanh	KX	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 32' 11"	106° 07' 46"					F-48-81-C-d
chùa Cao Đà	KX	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 31' 06"	106° 08' 28"					F-48-81-C-d
đình Cao Đà	KX	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 31' 01"	106° 08' 29"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đình Gia	KX	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 32' 58"	106° 06' 58"					F-48-81-C-c
Đường huyện 10	KX	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân			20° 34' 06"	106° 06' 39"	20° 31' 41"	106° 07' 38"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
quốc lộ 38B	KX	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
tuyến đò Ô Rô	KX	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân	20° 30' 33"	106° 08' 23"					F-48-81-C-d
kênh C1	TV	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân			20° 33' 51"	106° 08' 10"	20° 28' 29"	106° 10' 11"	F-48-81-C-d
kênh Long Xuyên	TV	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Nhân Mỹ	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-d
thôn Đông Quan	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 10"	106° 05' 22"					F-48-81-C-c
thôn Đức Nội	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 38"	106° 05' 07"					F-48-81-C-c
thôn Đức Ngoại	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 52"	106° 05' 15"					F-48-81-C-c
thôn Kinh Khê	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 33' 06"	106° 05' 29"					F-48-81-C-c
thôn Nhân Sơn	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 12"	106° 05' 07"					F-48-81-C-c
thôn Tầu Giang	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 07"	106° 04' 53"					F-48-81-C-c
thôn Thượng Nông	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 34"	106° 05' 53"					F-48-81-C-c
xóm 1 Nam Xá	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 42"	106° 04' 36"					F-48-81-C-c
xóm 2 Nam Xá	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 30"	106° 04' 16"					F-48-81-C-c
xóm 3 Nam Xá	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 26"	106° 04' 34"					F-48-81-C-c
xóm 4 Nam Xá	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 17"	106° 04' 45"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Đức Bản Ngoại	KX	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân	20° 32' 58"	106° 05' 24"					F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh C9	TV	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân			20° 33' 57"	106° 04' 24"	20° 31' 47"	106° 07' 32"	F-48-81-C-c
kênh Long Xuyên	TV	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Nhân Nghĩa	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c
xóm 1 Do Đạo	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 18"	106° 09' 11"					F-48-81-C-d
xóm 2 Do Đạo	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 10"	106° 09' 26"					F-48-81-C-d
xóm 3 Do Đạo	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 00"	106° 09' 38"					F-48-81-C-d
xóm 4 Do Đạo	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 32' 51"	106° 09' 45"					F-48-81-C-d
xóm 5 Do Đạo	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 05"	106° 09' 17"					F-48-81-C-d
xóm 6 Do Đạo	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 32' 46"	106° 09' 19"					F-48-81-C-d
Xóm Đòng	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 41"	106° 08' 19"					F-48-81-C-d
Xóm Đốc	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 36"	106° 08' 41"					F-48-81-C-d
Xóm Guộc	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 00"	106° 07' 59"					F-48-81-C-d
xóm Giá 1	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 42"	106° 07' 52"					F-48-81-C-d
xóm Giá 2	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 45"	106° 08' 02"					F-48-81-C-d
xóm Hùng Tiến	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 14"	106° 08' 51"					F-48-81-C-d
xóm Lam Cầu 1	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 32' 54"	106° 08' 53"					F-48-81-C-d
xóm Lam Cầu 2	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 32' 38"	106° 09' 02"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nội 1	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 25"	106° 08' 33"					F-48-81-C-d
xóm Nội 2	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 33' 16"	106° 08' 33"					F-48-81-C-d
Xóm Nhì	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 32' 48"	106° 08' 26"					F-48-81-C-d
Xóm Sổ	DC	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 32' 53"	106° 08' 42"					F-48-81-C-d
bến đò Như Trác	KX	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân	20° 34' 01"	106° 08' 40"					F-48-81-C-d
kênh C1	TV	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân			20° 33' 51"	106° 08' 10"	20° 28' 29"	106° 10' 11"	F-48-81-C-d
kênh tiêu Như Trác	TV	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân			20° 34' 01"	106° 04' 35"	20° 33' 56"	106° 08' 08"	F-48-81-C-d
kênh tưới Như Trác	TV	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân			20° 33' 19"	106° 00' 08"	20° 33' 55"	106° 08' 12"	F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Nhân Thịnh	H. Lý Nhân			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-d
xóm 1 Thanh Nga	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 32' 46"	106° 09' 51"					F-48-81-C-d
xóm 10 Duyên Hà	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 31' 36"	106° 10' 15"					F-48-81-C-d
xóm 11 Duyên Hà	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 31' 13"	106° 10' 10"					F-48-81-C-d
xóm 12 Phú Cốc	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 31' 00"	106° 09' 44"					F-48-81-C-d
xóm 13 Phú Cốc	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 30' 47"	106° 09' 54"					F-48-81-C-d
xóm 14 Phú Cốc	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 30' 35"	106° 10' 00"					F-48-81-C-d
xóm 2 Thanh Nga	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 32' 25"	106° 10' 07"					F-48-81-C-d
xóm 3 Thanh Nga	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 32' 20"	106° 09' 52"					F-48-81-C-d
xóm 4 Lý Nội	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 31' 59"	106° 08' 51"					F-48-81-C-d
xóm 5 Nhân Phúc	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 32' 06"	106° 09' 17"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 6 Nhân Phúc	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 31' 57"	106° 09' 22"					F-48-81-C-d
xóm 7 Nhân Phúc	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 31' 45"	106° 09' 24"					F-48-81-C-d
xóm 8 Phúc Mãn	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 31' 31"	106° 09' 24"					F-48-81-C-d
xóm 9 Duyên Hà	DC	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 32' 06"	106° 10' 12"					F-48-81-C-d
bến đò Phú Hậu	KX	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân	20° 32' 05"	106° 10' 17"					F-48-81-C-d
kênh C1	TV	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân			20° 33' 51"	106° 08' 10"	20° 28' 29"	106° 10' 11"	F-48-81-C-d
Sông Hồng	TV	xã Phú Phúc	H. Lý Nhân			20° 42' 22"	106° 00' 07"	20° 29' 09"	106° 10' 53"	F-48-81-C-d
xóm 1 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 09"	106° 08' 35"					F-48-81-C-d
xóm 1 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 23"	106° 08' 32"					F-48-81-C-d
xóm 10 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 28' 57"	106° 08' 24"					F-48-81-C-d
xóm 11 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 28' 51"	106° 08' 24"					F-48-81-C-d
xóm 12 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 28' 35"	106° 08' 29"					F-48-81-C-d
xóm 2 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 02"	106° 08' 27"					F-48-93-A-b
xóm 2 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 16"	106° 08' 42"					F-48-81-C-d
xóm 3 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 29' 49"	106° 08' 32"					F-48-81-C-d
xóm 3 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 24"	106° 08' 51"					F-48-81-C-d
xóm 4 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 29' 39"	106° 08' 24"					F-48-81-C-d
xóm 4 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 19"	106° 08' 58"					F-48-81-C-d
xóm 5 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 29' 07"	106° 08' 26"					F-48-81-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 5 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 17"	106° 09' 10"					F-48-81-C-d
xóm 6 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 29' 23"	106° 08' 34"					F-48-93-A-b
xóm 6 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 18"	106° 09' 24"					F-48-81-C-d
xóm 7 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 29' 26"	106° 08' 55"					F-48-93-A-b
xóm 7 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 21"	106° 09' 33"					F-48-81-C-d
xóm 8 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 29' 08"	106° 08' 45"					F-48-81-C-d
xóm 8 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 17"	106° 09' 39"					F-48-81-C-d
xóm 9 Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 29' 05"	106° 08' 38"					F-48-81-C-d
xóm 9 Nhân Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 10"	106° 09' 50"					F-48-81-C-d
quốc lộ 38B	KX	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-d, F-48-93-A-b
tuyến đò Ô Rô	KX	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân	20° 30' 33"	106° 08' 23"					F-48-81-C-d
kênh C1	TV	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân			20° 33' 51"	106° 08' 10"	20° 28' 29"	106° 10' 11"	F-48-81-C-d
kênh CG16	TV	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân			20° 29' 31"	106° 09' 57"	20° 28' 23"	106° 08' 27"	F-48-93-A-b
sông Châu Giang	TV	xã Tiến Thắng	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-d, F-48-93-A-b
thôn An Lạng	DC	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 40"	105° 59' 02"					F-48-80-D-d
thôn Quan Hạ	DC	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 09"	105° 59' 13"					F-48-80-D-d
thôn Quan Thượng	DC	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 55"	105° 58' 55"					F-48-80-D-d
thôn Quan Trung	DC	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 57"	105° 59' 57"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tả Hà	DC	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 23"	105° 59' 17"					F-48-80-D-d
thôn Văn Quan	DC	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 55"	105° 59' 27"					F-48-80-D-d
xóm Vạn Nghệ	DC	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 31"	105° 59' 51"					F-48-80-D-d
cầu Văn Hùng	KX	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 02"	106° 00' 22"					F-48-81-C-c
chợ Đập Trung	KX	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 34' 27"	106° 00' 01"					F-48-80-D-d
Chùa Thượng	KX	xã Văn Lý	H. Lý Nhân	20° 35' 59"	105° 59' 08"					F-48-80-D-d
Đường tỉnh 492	KX	xã Văn Lý	H. Lý Nhân			20° 36' 50"	106° 00' 47"	20° 33' 38"	106° 01' 42"	F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
sông Châu Giang	TV	xã Văn Lý	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-80-D-d, F-48-81-C-c
xóm 1A	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 30' 56"	106° 06' 58"					F-48-81-C-c
xóm 1B	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 01"	106° 06' 52"					F-48-81-C-c
xóm 2A	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 06"	106° 06' 45"					F-48-81-C-c
xóm 2B	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 08"	106° 06' 52"					F-48-81-C-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 07"	106° 07' 10"					F-48-81-C-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 24"	106° 07' 00"					F-48-81-C-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 17"	106° 07' 20"					F-48-81-C-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 28"	106° 07' 17"					F-48-81-C-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 40"	106° 07' 00"					F-48-81-C-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 31' 46"	106° 07' 18"					F-48-81-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 9	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 32' 01"	106° 07' 38"					F-48-81-C-d
Xóm 10	DC	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân	20° 32' 29"	106° 07' 25"					F-48-81-C-c
quốc lộ 38B	KX	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân			20° 39' 33"	106° 02' 00"	20° 28' 53"	106° 10' 42"	F-48-81-C-c
kênh C9	TV	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân			20° 33' 57"	106° 04' 24"	20° 31' 47"	106° 07' 32"	F-48-81-C-c
kênh Long Xuyên	TV	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân			20° 35' 50"	106° 03' 30"	20° 31' 09"	106° 07' 37"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
sông Châu Giang	TV	xã Xuân Khê	H. Lý Nhân			20° 37' 09"	106° 02' 34"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-81-C-c, F-48-81-C-d
tiểu khu Châu Giang	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 29' 47"	105° 53' 24"					F-48-92-B-b
tiểu khu Kiện Khê	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 18"	105° 53' 36"					F-48-80-D-d
tiểu khu La Mát	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 10"	105° 53' 15"					F-48-80-D-d
tiểu khu Ninh Phú	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 01"	105° 53' 38"					F-48-80-D-d
tiểu khu Tân Lâm	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 35"	105° 52' 42"					F-48-80-D-d
tiểu khu Tân Sơn	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 05"	105° 52' 44"					F-48-92-B-b
Tiểu khu Tháp	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 29' 40"	105° 53' 36"					F-48-92-B-b
tổ dân phố Bình Minh	DC	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 14"	105° 53' 51"					F-48-92-B-b
cầu Kiện Khê	KX	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 29' 57"	105° 53' 30"					F-48-92-B-b
Cầu Vịn	KX	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 17"	105° 52' 40"					F-48-80-D-d
Chùa Châu	KX	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 29' 50"	105° 53' 26"					F-48-92-B-b
Đình Châu	KX	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 29' 49"	105° 53' 27"					F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 494C	KX	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm			20° 31' 17"	105° 54' 14"	20° 29' 15"	105° 52' 25"	F-48-80-D-d
đường tỉnh 495C	KX	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm			20° 30' 00"	105° 53' 03"	20° 22' 25"	105° 54' 13"	F-48-92-B-b
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
núi Chùa Đồng	SV	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 30' 03"	105° 52' 53"					F-48-92-B-b
Núi Sếu	SV	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm	20° 29' 45"	105° 53' 00"					F-48-92-B-b
Sông Đáy	TV	TT. Kiện Khê	H. Thanh Liêm			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
Thôn Cõi	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 29' 53"	105° 57' 20"					F-48-92-B-b
Thôn Ngũ	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 30' 01"	105° 57' 41"					F-48-92-B-b
Thôn Nhất	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 30' 43"	105° 57' 36"					F-48-80-D-d
Thôn Nhì	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 30' 46"	105° 57' 48"					F-48-80-D-d
Thôn Nhuế	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 30' 18"	105° 56' 37"					F-48-80-D-d
Thôn Tam	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 30' 18"	105° 57' 42"					F-48-80-D-d
Thôn Tứ	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 30' 09"	105° 57' 19"					F-48-80-D-d
Thôn Trại	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 30' 37"	105° 56' 43"					F-48-80-D-d
Thôn Vực	DC	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 29' 34"	105° 57' 03"					F-48-92-B-b
Đền Lăng	KX	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm	20° 29' 58"	105° 57' 01"					F-48-80-D-d
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 499B	KX	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm			20° 30' 25"	105° 57' 51"	20° 28' 09"	105° 55' 01"	F-48-92-B-b, F-48-80-D-d
Quốc lộ 21	KX	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm			20° 30' 13"	105° 48' 38"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
kênh BH-10	TV	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm			20° 31' 33"	105° 55' 56"	20° 29' 50"	106° 00' 12"	F-48-80-D-d
sông Kinh Thủy	TV	xã Liêm Cần	H. Thanh Liêm			20° 25' 28"	105° 58' 19"	20° 31' 01"	105° 54' 59"	F-48-92-B-b
thôn Cự Xá	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 30' 53"	105° 58' 17"					F-48-80-D-d
thôn Hạ Trang	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 31' 13"	105° 59' 03"					F-48-80-D-d
thôn Hoàng Xá	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 30' 10"	105° 58' 39"					F-48-80-D-d
thôn Mai Lĩnh	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 29' 41"	105° 58' 42"					F-48-92-B-b
thôn Nguyễn Trung	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 30' 21"	105° 58' 20"					F-48-80-D-d
thôn Phú Lộc	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 31' 18"	105° 58' 28"					F-48-80-D-d
thôn Thượng Trang	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 31' 35"	105° 58' 44"					F-48-80-D-d
thôn Yên Thống	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 30' 21"	105° 58' 57"					F-48-80-D-d
thôn Yên Việt	DC	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 29' 59"	105° 58' 25"					F-48-92-B-b
Cầu Ghéo	KX	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 29' 54"	105° 58' 57"					F-48-92-B-b
đình Nguyễn Trung	KX	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm	20° 30' 27"	105° 58' 15"					F-48-80-D-d
Quốc lộ 21	KX	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm			20° 30' 13"	105° 48' 38"	20° 28' 19"	106° 02' 33"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
quốc lộ 21B	KX	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm			20° 38' 22"	105° 49' 07"	20° 27' 45"	106° 04' 44"	F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh BH-8	TV	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm			20° 30' 49"	105° 59' 12"	20° 32' 47"	105° 56' 41"	F-48-80-D-d
kênh BH-10	TV	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm			20° 31' 33"	105° 55' 56"	20° 29' 50"	106° 00' 12"	F-48-80-D-d
sông Biên Hòa	TV	xã Liêm Phong	H. Thanh Liêm			20° 33' 40"	105° 58' 32"	20° 26' 18"	105° 58' 14"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
thôn Chanh Hạ	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 00"	105° 57' 33"					F-48-92-B-b
thôn Chanh Thượng	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 25' 35"	105° 57' 31"					F-48-92-B-b
thôn Chanh Trung	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 25' 50"	105° 57' 22"					F-48-92-B-b
Thôn Đùng	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 17"	105° 57' 03"					F-48-92-B-b
Thôn Kênh	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 39"	105° 58' 11"					F-48-92-B-b
Thôn Khoái	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 04"	105° 57' 56"					F-48-92-B-b
Thôn Lầy	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 51"	105° 57' 19"					F-48-92-B-b
Thôn Lẻ	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 00"	105° 57' 47"					F-48-92-B-b
Thôn Nội	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 02"	105° 57' 23"					F-48-92-B-b
thôn Nghè Phú	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 09"	105° 56' 57"					F-48-92-B-b
thôn Nghè Thường	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 20"	105° 57' 03"					F-48-92-B-b
thôn Nghè Thượng	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 33"	105° 57' 08"					F-48-92-B-b
thôn Nghè Trung	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 25"	105° 57' 12"					F-48-92-B-b
Thôn Quán	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 25' 46"	105° 58' 15"					F-48-92-B-b
Thôn Sải	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 31"	105° 57' 24"					F-48-92-B-b
thôn Sọng Hạ	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 32"	105° 57' 32"					F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sọng Thượng	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 42"	105° 57' 29"					F-48-92-B-b
Thôn Truật	DC	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 33"	105° 58' 20"					F-48-92-B-b
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-92-B-b
Đường tỉnh 495	KX	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-92-B-b
đường tỉnh 495B	KX	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm			20° 25' 43"	105° 52' 06"	20° 28' 19"	106° 02' 16"	F-48-92-B-b
núi Chùa Khoa	SV	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 25' 41"	105° 56' 59"					F-48-92-B-b
Núi Đụn	SV	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 27' 50"	105° 56' 50"					F-48-92-B-b
Núi Tháp	SV	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm	20° 26' 40"	105° 56' 49"					F-48-92-B-b
kênh KN-12	TV	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm			20° 25' 11"	105° 56' 12"	20° 25' 29"	105° 57' 28"	F-48-92-B-b
sông Biên Hòa	TV	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm			20° 33' 40"	105° 58' 32"	20° 26' 18"	105° 58' 14"	F-48-92-B-b
sông Kinh Thủy	TV	xã Liêm Sơn	H. Thanh Liêm			20° 25' 28"	105° 58' 19"	20° 31' 01"	105° 54' 59"	F-48-92-B-b
thôn Đống Cầu	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 48"	105° 58' 35"					F-48-92-B-b
thôn Đông Sấu	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 28' 02"	105° 58' 19"					F-48-92-B-b
thôn Đống Thượng	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 28' 01"	105° 58' 34"					F-48-92-B-b
thôn Đồng Vọng	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 31"	105° 58' 24"					F-48-92-B-b
thôn Tân Hòa	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 11"	105° 58' 33"					F-48-92-B-b
thôn Tín Đôn	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 08"	105° 58' 47"					F-48-92-B-b
Thôn Tháp	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 55"	105° 58' 26"					F-48-92-B-b
thôn Trại Vọng	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 31"	105° 58' 43"					F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vĩ Cầu	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 19"	105° 58' 16"					F-48-92-B-b
thôn Vĩ Khách	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 08"	105° 58' 00"					F-48-92-B-b
Thôn Vọng	DC	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 28"	105° 58' 21"					F-48-92-B-b
đình Đống Cầu	KX	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm	20° 27' 54"	105° 58' 50"					F-48-92-B-b
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-92-B-b
Đường tỉnh 495	KX	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-92-B-b
đường tỉnh 495B	KX	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm			20° 25' 43"	105° 52' 06"	20° 28' 19"	106° 02' 16"	F-48-92-B-b
sông Biên Hòa	TV	xã Liêm Túc	H. Thanh Liêm			20° 33' 40"	105° 58' 32"	20° 26' 18"	105° 58' 14"	F-48-92-B-b
Thôn Chảy	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 28' 51"	105° 58' 39"					F-48-92-B-b
Thôn Chằm	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 28' 41"	105° 57' 42"					F-48-92-B-b
Thôn Gừa	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 29' 28"	105° 58' 11"					F-48-92-B-b
Thôn Lau	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 29' 03"	105° 58' 20"					F-48-92-B-b
thôn Nga Bắc	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 28' 32"	105° 57' 19"					F-48-92-B-b
thôn Nga Nam	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 28' 23"	105° 57' 26"					F-48-92-B-b
Thôn Sông	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 29' 19"	105° 58' 27"					F-48-92-B-b
Thôn Thị	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 28' 34"	105° 57' 40"					F-48-92-B-b
Thôn Vải	DC	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 29' 01"	105° 57' 35"					F-48-92-B-b
Đình Chảy	KX	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm	20° 28' 49"	105° 58' 38"					F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-92-B-b
Đường tỉnh 495	KX	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-92-B-b
đường tỉnh 499B	KX	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm			20° 30' 25"	105° 57' 51"	20° 28' 09"	105° 55' 01"	F-48-92-B-b
sông Biên Hòa	TV	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm			20° 33' 40"	105° 58' 32"	20° 26' 18"	105° 58' 14"	F-48-92-B-b
sông Kinh Thủy	TV	xã Liêm Thuận	H. Thanh Liêm			20° 25' 28"	105° 58' 19"	20° 31' 01"	105° 54' 59"	F-48-92-B-b
thôn Đạt Hưng	DC	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 28' 53"	105° 56' 34"					F-48-92-B-b
thôn Lã Làng	DC	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 29' 24"	105° 56' 57"					F-48-92-B-b
thôn Lã Núi	DC	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 29' 04"	105° 56' 53"					F-48-92-B-b
Thôn Lãm	DC	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 28' 54"	105° 57' 22"					F-48-92-B-b
thôn Ninh Tảo	DC	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 29' 39"	105° 56' 22"					F-48-92-B-b
thôn Thanh Liêm	DC	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 29' 43"	105° 56' 32"					F-48-92-B-b
Đường tỉnh 495	KX	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-92-B-b
Núi Bát	SV	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 28' 39"	105° 56' 38"					F-48-92-B-b
Núi Gẫm	SV	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 29' 01"	105° 56' 43"					F-48-92-B-b
Núi Hang	SV	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 29' 05"	105° 56' 59"					F-48-92-B-b
Núi Tháp	SV	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm	20° 28' 56"	105° 57' 01"					F-48-92-B-b
sông Kinh Thủy	TV	xã Thanh Bình	H. Thanh Liêm			20° 25' 28"	105° 58' 19"	20° 31' 01"	105° 54' 59"	F-48-92-B-b
thôn An Hòa	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 29' 46"	105° 55' 50"					F-48-92-B-b
thôn Dương Xá	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 30' 28"	105° 55' 39"					F-48-80-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hòa Ngãi	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 29' 54"	105° 55' 32"					F-48-92-B-b
thôn Mậu Chử	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 30' 21"	105° 54' 59"					F-48-80-D-d
thôn Quang Trung	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 29' 56"	105° 55' 02"					F-48-92-B-b
thôn Thạch Tổ	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 30' 35"	105° 55' 45"					F-48-80-D-d
thôn Ứng Liêm	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 30' 23"	105° 55' 51"					F-48-80-D-d
Công ty May 20	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 30' 29"	105° 55' 03"					F-48-80-D-d
đền Hòa Ngãi	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 29' 48"	105° 55' 41"					F-48-80-D-d
đình An Hòa	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 29' 35"	105° 55' 42"					F-48-92-B-b
đình Hòa Ngãi	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm	20° 29' 55"	105° 55' 41"					F-48-80-D-d
Đường tỉnh 495	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
quốc lộ 1 - tuyến tránh thành phố Phủ Lý	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm			20° 39' 46"	105° 54' 56"	20° 29' 58"	105° 55' 00"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
kênh KB	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm			20° 29' 32"	105° 55' 12"	20° 26' 46"	105° 54' 56"	F-48-92-B-b
kênh TB	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm			20° 30' 02"	105° 54' 56"	20° 26' 45"	105° 54' 43"	F-48-92-B-b
sông Kinh Thủy	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Liêm			20° 25' 28"	105° 58' 19"	20° 31' 01"	105° 54' 59"	F-48-80-D-d, F-48-92-B-b
thôn Cổ Động	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 22' 55"	105° 55' 13"					F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đoan Vỹ 1	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 22' 34"	105° 55' 08"					F-48-92-B-d
thôn Đoan Vỹ 2	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 22' 16"	105° 55' 50"					F-48-92-B-d
thôn Động Xuyên	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 30"	105° 54' 40"					F-48-92-B-b
thôn Hải Phú	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 39"	105° 53' 23"					F-48-92-B-b
thôn Thanh Khê	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 47"	105° 55' 08"					F-48-92-B-b
thôn Tri Ngôn	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 58"	105° 54' 49"					F-48-92-B-b
thôn Trung Hiếu Hạ	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 13"	105° 54' 22"					F-48-92-B-b
thôn Trung Hiếu Thượng	DC	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 24' 13"	105° 54' 34"					F-48-92-B-b
cầu Đoan Vỹ	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 21' 51"	105° 55' 10"					F-48-92-B-d
Công ty Xi Măng Hoàng Long	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 22' 45"	105° 55' 03"					F-48-92-B-b
chùa Trinh Tiết	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 06"	105° 54' 45"					F-48-92-B-b
đường tỉnh 495C	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm			20° 30' 00"	105° 53' 03"	20° 22' 25"	105° 54' 13"	F-48-92-B-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-92-B-b, F-48-92-B-d
Thắng cảnh Kẽm Trống	KX	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 22' 28"	105° 54' 56"					F-48-92-B-b
núi Thong Long	SV	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 22' 37"	105° 54' 35"					F-48-92-B-b
Núi Tranh	SV	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 59"	105° 53' 10"					F-48-92-B-b
núi Trung Quốc	SV	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 23' 46"	105° 53' 57"					F-48-92-B-b
núi Vong Trong	SV	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm	20° 22' 27"	105° 54' 10"					F-48-92-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KN	TV	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm			20° 26' 45"	105° 54' 55"	20° 22' 12"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b, F-48-92-B-d
kênh TN	TV	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm			20° 22' 56"	105° 55' 04"	20° 26' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-B-b
Sông Đáy	TV	xã Thanh Hải	H. Thanh Liêm			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b, F-48-92-B-d
thôn 1 Lời	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 52"	105° 56' 36"					F-48-92-B-b
thôn 1 Tâng	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 27' 37"	105° 54' 55"					F-48-92-B-b
thôn 2 Lời	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 36"	105° 56' 24"					F-48-92-B-b
thôn 2 Tâng	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 27' 21"	105° 54' 53"					F-48-92-B-b
thôn 3 Lời	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 43"	105° 55' 56"					F-48-92-B-b
thôn 3 Tâng	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 27' 05"	105° 54' 54"					F-48-92-B-b
thôn 4 Tâng	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 50"	105° 54' 52"					F-48-92-B-b
thôn Đanh Xá	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 27' 11"	105° 55' 22"					F-48-92-B-b
thôn Đồng Phú	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 47"	105° 55' 06"					F-48-92-B-b
thôn Lác Chiều	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 08"	105° 55' 29"					F-48-92-B-b
thôn Lác Nội	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 17"	105° 54' 56"					F-48-92-B-b
thôn Nội Thinh	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 59"	105° 55' 45"					F-48-92-B-b
Thôn Nguyễn	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 47"	105° 55' 29"					F-48-92-B-b
Cầu Tâng	KX	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 45"	105° 54' 51"					F-48-92-B-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Tháp	SV	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm	20° 26' 40"	105° 56' 49"					F-48-92-B-b
kênh KB	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm			20° 29' 32"	105° 55' 12"	20° 26' 46"	105° 54' 56"	F-48-92-B-b
kênh KN	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm			20° 26' 45"	105° 54' 55"	20° 22' 12"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b
kênh KN-12A	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm			20° 28' 19"	105° 56' 16"	20° 25' 16"	105° 56' 17"	F-48-92-B-b
kênh Nham Tràng	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm			20° 26' 41"	105° 56' 04"	20° 26' 35"	105° 53' 55"	F-48-92-B-b
kênh TB	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm			20° 30' 02"	105° 54' 56"	20° 26' 45"	105° 54' 43"	F-48-92-B-b
kênh TN	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Liêm			20° 22' 56"	105° 55' 04"	20° 26' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-B-b
thôn An Lạc	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 52"	105° 55' 59"					F-48-92-B-b
thôn Cẩm Du	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 19"	105° 56' 29"					F-48-92-B-b
thôn Đọ Xá	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 52"	105° 56' 11"					F-48-92-B-b
thôn Đồi Ngang	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 28' 02"	105° 56' 51"					F-48-92-B-b
thôn Kênh Cạn	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 53"	105° 55' 47"					F-48-92-B-b
Thôn Non	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 28' 30"	105° 57' 08"					F-48-92-B-b
thôn Sơn Thông	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 31"	105° 55' 50"					F-48-92-B-b
xóm Hương Sen	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 28' 20"	105° 56' 08"					F-48-92-B-b
xóm Tô Vũ	DC	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 28' 29"	105° 56' 48"					F-48-92-B-b
Cầu Nga	KX	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 28' 36"	105° 57' 14"					F-48-92-B-b
đình Cẩm Du	KX	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 32"	105° 56' 07"					F-48-92-B-b
đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	KX	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm			20° 40' 52"	105° 55' 56"	20° 25' 28"	105° 58' 12"	F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 495	KX	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-92-B-b
đường tỉnh 499B	KX	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm			20° 30' 25"	105° 57' 51"	20° 28' 09"	105° 55' 01"	F-48-92-B-b
Núi Bát	SV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 28' 39"	105° 56' 38"					F-48-92-B-b
núi Chùa Tiên	SV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 58"	105° 56' 42"					F-48-92-B-b
Núi Đụn	SV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 50"	105° 56' 50"					F-48-92-B-b
Núi Non	SV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 28' 13"	105° 57' 01"					F-48-92-B-b
núi Ổ Gà	SV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm	20° 27' 41"	105° 56' 22"					F-48-92-B-b
kênh KB-8	TV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm			20° 28' 19"	105° 56' 16"	20° 28' 08"	105° 55' 10"	F-48-92-B-b
kênh KN-12A	TV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm			20° 28' 19"	105° 56' 16"	20° 25' 16"	105° 56' 17"	F-48-92-B-b
kênh KT-10	TV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm			20° 28' 22"	105° 57' 17"	20° 28' 19"	105° 56' 16"	F-48-92-B-b
sông Kinh Thủy	TV	xã Thanh Lưu	H. Thanh Liêm			20° 25' 28"	105° 58' 19"	20° 31' 01"	105° 54' 59"	F-48-92-B-b
thôn Bồng Lạng	DC	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 25' 17"	105° 54' 20"					F-48-92-B-b
thôn Đại Bái	DC	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 25' 12"	105° 54' 38"					F-48-92-B-b
Thôn Kênh	DC	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 25' 26"	105° 54' 35"					F-48-92-B-b
thôn Nham Kênh	DC	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 26' 07"	105° 54' 11"					F-48-92-B-b
thôn Thanh Bồng	DC	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 24' 50"	105° 52' 23"					F-48-92-B-b
thôn Thanh Sơn	DC	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 25' 45"	105° 52' 17"					F-48-92-B-b
cầu Bồng Lạng	KX	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 25' 26"	105° 54' 24"					F-48-92-B-b
đường tỉnh 495B	KX	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm			20° 25' 43"	105° 52' 06"	20° 28' 19"	106° 02' 16"	F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 495C	KX	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm			20° 30' 00"	105° 53' 03"	20° 22' 25"	105° 54' 13"	F-48-92-B-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-92-B-b
núi Đồi Đất	SV	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 24' 50"	105° 53' 19"					F-48-92-B-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 24' 43"	105° 51' 59"					F-48-92-B-a
núi Thanh Bồng	SV	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 24' 40"	105° 53' 10"					F-48-92-B-b
Núi Tranh	SV	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm	20° 23' 59"	105° 53' 10"					F-48-92-B-b
kênh TN	TV	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm			20° 22' 56"	105° 55' 04"	20° 26' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-B-b
Sông Đáy	TV	xã Thanh Nghị	H. Thanh Liêm			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b
Thôn Hạ	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 24' 04"	105° 56' 29"					F-48-92-B-b
thôn Kim Lũ	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 24' 05"	105° 55' 40"					F-48-92-B-b
thôn Mai Cầu	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 25' 00"	105° 55' 44"					F-48-92-B-b
thôn Mộc Tòng	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 24' 40"	105° 55' 14"					F-48-92-B-b
thôn Phú Gia	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 25' 01"	105° 55' 04"					F-48-92-B-b
thôn Thượng 1	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 24' 47"	105° 56' 33"					F-48-92-B-b
thôn Thượng 2	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 24' 36"	105° 56' 22"					F-48-92-B-b
Thôn Trung	DC	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm	20° 24' 20"	105° 56' 32"					F-48-92-B-b
Đường tỉnh 495	KX	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-92-B-b
đường tỉnh 495B	KX	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm			20° 25' 43"	105° 52' 06"	20° 28' 19"	106° 02' 16"	F-48-92-B-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KN	TV	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm			20° 26' 45"	105° 54' 55"	20° 22' 12"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b
kênh KN-12	TV	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm			20° 25' 11"	105° 56' 12"	20° 25' 29"	105° 57' 28"	F-48-92-B-b
kênh TN	TV	xã Thanh Nguyên	H. Thanh Liêm			20° 22' 56"	105° 55' 04"	20° 26' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-B-b
thôn Bói Hạ	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 02"	105° 55' 30"					F-48-92-B-b
thôn Bói Thượng	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 10"	105° 55' 10"					F-48-92-B-b
thôn Dư Nhân	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 57"	105° 55' 30"					F-48-92-B-b
thôn Đinh Đồng	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 04"	105° 54' 30"					F-48-92-B-b
thôn Đống Hai	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 02"	105° 54' 47"					F-48-92-B-b
thôn Động Xá	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 59"	105° 54' 53"					F-48-92-B-b
thôn Giáp Nhất	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 23"	105° 55' 37"					F-48-92-B-b
thôn Giáp Nhì	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 30"	105° 55' 08"					F-48-92-B-b
thôn Phố Bói	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 00"	105° 55' 01"					F-48-92-B-b
thôn Phúc Lai	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 50"	105° 55' 04"					F-48-92-B-b
thôn Tân Hương	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 05"	105° 54' 48"					F-48-92-B-b
thôn Tân Lợi 1	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 29' 08"	105° 55' 07"					F-48-92-B-b
thôn Tân Lợi 2	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 57"	105° 55' 07"					F-48-92-B-b
thôn Trung Hưng	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm	20° 28' 31"	105° 55' 27"					F-48-92-B-b
đường tỉnh 499B	KX	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm			20° 30' 25"	105° 57' 51"	20° 28' 09"	105° 55' 01"	F-48-92-B-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm			20° 40' 25"	105° 54' 46"	20° 21' 51"	105° 55' 10"	F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KB	TV	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm			20° 29' 32"	105° 55' 12"	20° 26' 46"	105° 54' 56"	F-48-92-B-b
kênh KB-8	TV	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm			20° 28' 19"	105° 56' 16"	20° 28' 08"	105° 55' 10"	F-48-92-B-b
kênh TB	TV	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm			20° 30' 02"	105° 54' 56"	20° 26' 45"	105° 54' 43"	F-48-92-B-b
kênh TB-8	TV	xã Thanh Phong	H. Thanh Liêm			20° 28' 57"	105° 55' 00"	20° 28' 49"	105° 53' 18"	F-48-92-B-b
thôn Chè Núi	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 52"	105° 56' 34"					F-48-92-B-b
thôn Kho Làng	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 33"	105° 55' 49"					F-48-92-B-b
thôn Kho Núi	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 31"	105° 56' 53"					F-48-92-B-b
Thôn Môi	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 46"	105° 55' 31"					F-48-92-B-b
Thôn Sở	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 13"	105° 57' 01"					F-48-92-B-b
Thôn Trình	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 51"	105° 56' 15"					F-48-92-B-b
xóm 1 Thong	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 26' 31"	105° 56' 39"					F-48-92-B-b
xóm 2 Thong	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 26' 16"	105° 56' 46"					F-48-92-B-b
xóm 3 Thong	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 26' 11"	105° 56' 38"					F-48-92-B-b
xóm 4 Thong	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 26' 17"	105° 56' 36"					F-48-92-B-b
xóm 8 Chè Làng	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 25"	105° 56' 02"					F-48-92-B-b
xóm 9 Chè Làng	DC	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 22"	105° 56' 10"					F-48-92-B-b
Đường tỉnh 495	KX	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm			20° 30' 59"	105° 54' 56"	20° 25' 05"	105° 55' 00"	F-48-92-B-b
đường tỉnh 495B	KX	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm			20° 25' 43"	105° 52' 06"	20° 28' 19"	106° 02' 16"	F-48-92-B-b
núi Chùa Khoa	SV	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 25' 41"	105° 56' 59"					F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Tháp	SV	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm	20° 26' 40"	105° 56' 49"					F-48-92-B-b
kênh KN	TV	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm			20° 26' 45"	105° 54' 55"	20° 22' 12"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b
kênh KN-12	TV	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm			20° 25' 11"	105° 56' 12"	20° 25' 29"	105° 57' 28"	F-48-92-B-b
kênh KN-12A	TV	xã Thanh Tâm	H. Thanh Liêm			20° 28' 19"	105° 56' 16"	20° 25' 16"	105° 56' 17"	F-48-92-B-b
thôn Bạc Bến	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 26' 58"	105° 53' 50"					F-48-92-B-b
thôn Bạc Làng	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 27' 13"	105° 53' 51"					F-48-92-B-b
thôn Đức Hòa	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 27' 39"	105° 53' 28"					F-48-92-B-b
thôn Kinh tế mới Nam Tân	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 26' 53"	105° 53' 41"					F-48-92-B-b
thôn Nam Công	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 27' 24"	105° 53' 16"					F-48-92-B-b
thôn Nham Tràng	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 26' 45"	105° 54' 02"					F-48-92-B-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 27' 52"	105° 53' 04"					F-48-92-B-b
thôn Tân Lập	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 27' 44"	105° 52' 57"					F-48-92-B-b
thôn Thử Hòa	DC	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 27' 42"	105° 53' 49"					F-48-92-B-b
đường tỉnh 495C	KX	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm			20° 30' 00"	105° 53' 03"	20° 22' 25"	105° 54' 13"	F-48-92-B-b
núi Bài Thang	SV	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm	20° 27' 21"	105° 51' 55"					F-48-92-B-a
kênh Nham Tràng	TV	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm			20° 26' 41"	105° 56' 04"	20° 26' 35"	105° 53' 55"	F-48-92-B-b
Sông Đáy	TV	xã Thanh Tân	H. Thanh Liêm			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b
Thôn Bến	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 07"	105° 53' 11"					F-48-92-B-b
thôn Đình Hậu	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 00"	105° 53' 34"					F-48-92-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đò	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 14"	105° 53' 16"					F-48-92-B-b
thôn Đồng Ao	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 16"	105° 52' 55"					F-48-92-B-b
Thôn Lường	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 28' 44"	105° 53' 24"					F-48-92-B-a
thôn Mỹ Tho	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 23"	105° 53' 00"					F-48-92-B-a
thôn Ô Cách	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 18"	105° 53' 32"					F-48-92-B-b
thôn Phượng Tường	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 28' 42"	105° 53' 34"					F-48-92-B-b
thôn Trung Thành	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 28' 23"	105° 53' 08"					F-48-92-B-b
thôn Trung Thứ	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 28' 35"	105° 53' 26"					F-48-92-B-b
Đền Ông	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 08"	105° 52' 08"					F-48-92-B-a
đình Ô Cách	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 14"	105° 53' 10"					F-48-92-B-b
đường tỉnh 494C	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm			20° 31' 17"	105° 54' 14"	20° 29' 15"	105° 52' 25"	F-48-92-B-a, F-48-92-B-b
đường tỉnh 495C	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm			20° 30' 00"	105° 53' 03"	20° 22' 25"	105° 54' 13"	F-48-92-B-b
Núi Ông	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 29' 05"	105° 51' 58"					F-48-92-B-b
Núi Thung	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm	20° 28' 41"	105° 51' 55"					F-48-92-B-a
kênh TB-8	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm			20° 28' 57"	105° 55' 00"	20° 28' 49"	105° 53' 18"	F-48-92-B-b
Sông Đáy	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Liêm			20° 37' 10"	105° 48' 39"	20° 22' 09"	105° 55' 57"	F-48-92-B-b

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng